

CHƯƠNG VI

BỘ NỘI VỤ TRONG NHỮNG NĂM XÂY DỰNG, BẢO VỆ MIỀN BẮC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CHI VIỆN CHIẾN TRƯỜNG MIỀN NAM (1965-1973)

Từ đầu năm 1965, cùng với việc đưa quân Mỹ và chư hầu được trực tiếp tham chiến ở miền Nam và ngang nhiên dùng không quân, hải quân tiến hành chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc, đế quốc Mỹ đã chính thức phát động cuộc chiến tranh xâm lược trên toàn cõi đất nước ta. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11, Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III), miền Bắc chuyển hướng từ thời bình sang thời chiến, giữ trọng trách là hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn miền Nam. Trước kẻ thù xâm lược là đế quốc Mỹ, có nhiều âm mưu, thủ đoạn nham hiểm và rất ngoan cố, cuộc chiến đấu của nhân dân ta sẽ vô cùng ác liệt, gian khổ. Miền Bắc trở thành căn cứ địa cho cách mạng cả nước. Miền Bắc phải được xây dựng và bảo vệ vững chắc, làm tròn sứ mệnh lịch sử trong cuộc đấu tranh giành độc lập hoà bình và thống nhất Tổ quốc.

Việc chuyển mọi hoạt động của miền Bắc từ thời bình sang thời chiến đòi hỏi yêu cầu rất cao. Đó là việc tổ chức lại đời sống, sản xuất, công tác đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, tăng cường sức mạnh của hậu phương lớn, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam. Hơn 10 năm xây dựng miền Bắc trong hoà bình đã giành được nhiều thành tựu to lớn. Miền Bắc đã tỏ rõ sức mạnh của chế độ xã hội chủ

nghĩa ưu việt, thực sự trở thành chỗ dựa về chính trị, tinh thần đối với đồng bào miền Nam. Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, miền Bắc phải chuyển hướng mạnh mẽ, thực hiện vừa sản xuất vừa chiến đấu quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ và giữ vững sản xuất, bảo đảm đời sống nhân dân, bảo đảm cho miền Bắc ngày càng tăng cường sức mạnh về mọi mặt. Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, bộ máy chính quyền các cấp phải được xây dựng vững mạnh hơn, bảo đảm, mỗi làng, xã đều trở thành pháo đài chống Mỹ. Miền Bắc là hậu phương lớn, là chỗ dựa vững chắc, tin cậy của tiền tuyến lớn miền Nam. Để bảo đảm cho cả miền Bắc chuyển sang thời chiến, động viên mọi nguồn lực của đất nước cho cuộc chiến đấu thắng lợi, yêu cầu về sự vững mạnh của tổ chức bộ máy chính quyền các cấp có ý nghĩa tiên quyết. Đây cũng là những nhiệm vụ trung tâm, hàng đầu của Bộ Nội vụ, là trọng trách của cơ quan về nội trị của đất nước.

HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ NỘI VỤ TRONG NHỮNG NĂM 1965-1970

I- XÂY DỰNG, KIẾN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG

Về tổ chức hành chính Nhà nước, Chính phủ thời kỳ này thuộc nhiệm kỳ Quốc hội khóa II. Bộ Nội vụ do đồng chí Ung Văn Khiêm làm Bộ trưởng. Về tổ chức Chính phủ có 27 Bộ và cơ quan ngang Bộ. Bộ Nội vụ tham mưu giúp Chính phủ củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy của Chính phủ. Từ năm 1966 đến tháng 12 -1969 Bộ Nội vụ đã tham mưu để Hội đồng Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định thay đổi, thành lập một số Bộ và cơ quan ngang Bộ mới, nâng tổng số các Bộ và cơ quan ngang Bộ là 35.

Để góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Hội đồng Chính phủ, Bộ Nội vụ đã chỉ đạo xây dựng

Nội quy tổ chức hoạt động của cơ quan Bộ và các tổ chức Vụ, Viện, Cục thuộc Bộ. Đây là nội dung của phong trào cải tiến công tác, cải tiến tổ chức, cải tiến lề lối làm việc đã được thực hiện những năm trước đây. Một số Bộ đã xây dựng Điều lệ nhưng chưa ban hành. Trong tình hình cả nước có chiến tranh, đòi hỏi các cơ quan quản lý Nhà nước phải có tác phong quân sự hóa, phải có kỷ luật làm việc, sinh hoạt chặt chẽ. Bộ Nội vụ chỉ đạo: Xây dựng và ban hành nội quy tổ chức, hoạt động của Bộ, Vụ, Viện, Cục nhằm tăng cường hiệu quả quản lý của cơ quan, đáp ứng kịp thời yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu.

Bộ Nội vụ đã hướng dẫn các Bộ xây dựng nội quy của Bộ và các đơn vị thuộc Bộ. Nội dung bản nội quy của Bộ gồm: Hệ thống hóa những quy định hiện hành về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ; xác định chức năng của các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ (chủ yếu là các đơn vị tham mưu, tổng hợp và các đơn vị giúp Bộ quản lý); quy định quan hệ công tác, chế độ làm việc trong Bộ, quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ thủ trưởng trong hoạt động của Bộ phù hợp với tình hình vừa sản xuất, vừa chiến đấu. Nội dung bản nội quy của các Vụ, Viện, Cục có yêu cầu tương tự, nhưng phải cụ thể, sát thực theo chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan. Để giúp các Bộ tổ chức thực hiện, Bộ Nội vụ đã giới thiệu đề cương nội quy gồm 6 phần để các Bộ vận dụng.

Phần thứ nhất là nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ nêu hai nội dung: xác định rõ chức năng của Bộ là trực tiếp quản lý một ngành hoặc quản lý tổng hợp. Căn cứ vào Nghị định của Hội đồng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ của Bộ và các nhiệm vụ mới được giao, làm rõ những quy định để thực hiện chuyển hướng tổ chức và hoạt động sang tình hình vừa sản xuất vừa chiến đấu.

Phần thứ hai là trách nhiệm của Bộ trưởng, làm rõ sự phân công giữa Bộ trưởng với các Thứ trưởng. Làm rõ chế độ thủ trưởng kết hợp với lối làm việc tập thể trong lãnh đạo Bộ; phân công giữa Bộ trưởng với các Thứ trưởng, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong điều kiện cơ quan sơ tán, đối phó với

chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Phần thứ ba là tổ chức, bộ máy của Bộ nêu rõ các tổ chức: tham mưu, giúp Bộ trong lãnh đạo, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ. Nêu hệ thống các đơn vị, tổ chức như: Văn phòng, Vụ, Cục, Viện, Xí nghiệp, Công ty... quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng, Vụ, Viện, Cục... làm cơ sở cho việc xây dựng nội quy của các đơn vị này. Đồng thời, xác định rõ trách nhiệm của Thủ trưởng và các Phó Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ.

Phần thứ tư là mối quan hệ công tác trong cơ quan Bộ. Đây là phần có nhiều nội dung có tác động lớn, trực tiếp tới toàn bộ hoạt động của Bộ. *Một là*, giữa Bộ trưởng, Thứ trưởng với các Thủ trưởng đơn vị, tổ chức thuộc Bộ. Thực hiện lãnh đạo bằng chương trình, kế hoạch, tập trung vào các nhiệm vụ, công tác lớn, phát huy vai trò các đơn vị tham mưu, tổng hợp... Đồng thời làm rõ trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ. *Hai là*, giữa các Vụ, Cục tổng hợp với Cục quản lý cần làm rõ: trách nhiệm của Vụ, Cục tổng hợp đối với Cục quản lý, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi phụ trách, hướng dẫn, giúp đỡ, giải quyết kịp thời yêu cầu của Cục quản lý... Xác định trách nhiệm của Cục quản lý với Vụ, Cục tổng hợp giúp cho Vụ, Cục tổng hợp kịp thời nắm được tình hình và kết quả các mặt công tác của Cục quản lý. *Ba là* giữa Văn phòng với các Vụ, Cục. Xác định rõ trách nhiệm giải quyết kịp thời các công tác của Bộ, là đầu mối tổ chức sự phối hợp giữa các Vụ, Cục... *Bốn là*: giữa các Vụ, Cục tổng hợp với nhau. *Năm là*: giữa Vụ, Cục tổng hợp với đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ, xí nghiệp trực thuộc Cục quản lý.

Về chế độ làm việc của các Bộ. Nội dung hướng dẫn của Bộ gồm: Xây dựng chương trình công tác. Thực hiện làm việc có chương trình, làm việc theo chương trình; Chế độ hội họp: Các loại hội nghị, thành phần tham dự; chế độ hội ý, báo cáo; quy định việc thỉnh thị Bộ trưởng, Thứ trưởng... định chế độ kiểm tra; chế độ ký công văn giấy tờ; các văn bản do Bộ trưởng, Thứ trưởng ký... Trong chỉ đạo tổ chức thực hiện, Bộ Nội vụ lưu ý các Bộ về nội

dung trong nội quy phải cụ thể, chặt chẽ, thích hợp với hoàn cảnh sơ tán nhưng không cầu toàn. Về thời gian, đến hết năm 1966 tất cả các Bộ, cũng như Cục, Vụ, Viện trong Bộ phải xây dựng và ban hành nội quy.

Trong điều kiện chiến tranh phá hoại ngày càng ác liệt, ngày 29-6-1966 giặc Mỹ chính thức đánh phá vào Thủ đô Hà Nội, các Bộ phải thực hiện sơ tán triệt để nên yêu cầu xây dựng và thực hiện nội quy tổ chức hoạt động thêm cần cấp. Đến đầu năm 1967 các Bộ và cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ căn bản hoàn thành việc xây dựng nội quy tổ chức này. Trong điều kiện sơ tán, phân tán ra các xã ở ngoại thành Hà Nội và các tỉnh gần Hà Nội, điều kiện công tác, hoạt động có nhiều khó khăn, việc thực hiện nội quy tổ chức của các Bộ có tác dụng tích cực.

Một nội dung quan trọng trong việc xây dựng, củng cố tổ chức bộ máy hành chính ở Trung ương là việc tổ chức cấp phòng ở các Vụ, Cục, Viện. Những năm trước chiến tranh phá hoại, thực hiện cuộc vận động 3 cải tiến: cải tiến công tác, cải tiến tổ chức và cải tiến lề lối làm việc, các cơ quan đã thực hiện bỏ bớt một số phòng trung gian không cần thiết, tổ chức thành các tổ công tác. Trong 31 Bộ đã bỏ 764 phòng trong 1.375 phòng (giảm hơn 50,5%). Theo đánh giá của các Bộ, việc bỏ bớt một số phòng trung gian không cần thiết nói riêng và cải tiến tổ chức nói chung đã thu được kết quả tốt. Bộ máy bước đầu được gọn hơn, sự chỉ đạo của thủ trưởng phụ trách Vụ, Cục, Viện được tập trung thống nhất, sát người, sát việc, sát cơ sở; cán bộ nâng cao thêm tinh thần trách nhiệm, ý thức làm chủ, lề lối làm việc có chuyển biến mới. Trong hoàn cảnh vừa sản xuất, vừa chiến đấu, khối lượng công tác của các Bộ (nhất là Bộ quản lý kinh tế) tăng nhiều; cán bộ có năng lực đi phục vụ yêu cầu mới và thêm nhiều cán bộ mới; cơ quan, xí nghiệp phải sơ tán xa nên có yêu cầu tăng cường sự chỉ đạo đối với cơ sở... Vì vậy, một số Bộ (kể cả Bộ trước kia không tổ chức cấp phòng) thấy cần thiết lập một số phòng. Có một số Bộ đã quyết định thành lập một số phòng nhưng không trao đổi với Bộ Nội vụ. Vì vậy, ngày 17-6-1966 Bộ Nội vụ đã xây dựng kế hoạch chỉ đạo tổ chức phòng

trong các Cục, Vụ, Viện và các tổ chức tương đương¹. Đây là chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nội vụ đã được quy định tại Nghị định số 130/CP ngày 29-9-1961 của Hội đồng Chính phủ: "... Bộ Nội vụ cùng các ngành, các cấp quyết định thành lập hoặc bãi bỏ tổ chức phòng"¹. Kế hoạch chỉ đạo của Bộ đã chỉ rõ phương hướng tổ chức phòng trong Vụ, Cục, Viện như sau:

Không tổ chức các phòng trong các Bộ, các Vụ, Cục, Viện của Bộ giống nhau. Nghĩa là không dập khuôn tổ chức nào cũng có phòng mà phải tùy yêu cầu, đặc điểm và phương thức quản lý, nội dung hoạt động của mỗi ngành, mỗi cấp trong Bộ mà xây dựng tổ chức bên trong Vụ, Cục, Viện. Trong các Vụ nói chung không thành lập phòng mà lập tổ công tác. Ở những Bộ, những Vụ, Cục, Viện hiện chưa có phòng mà công tác vẫn bảo đảm thì kiên quyết không tổ chức phòng. Những nơi hiện nay trong Vụ, Cục, Viện có phòng nhưng xét thấy những phòng có tính trung gian không cần thiết thì nghiên cứu để bỏ đi. Những nơi hiện nay không có phòng gặp nhiều khó khăn không thể khắc phục bằng cải tiến lề lối làm việc hoặc tăng cường cán bộ phụ trách thì mới tổ chức một số phòng cần thiết. Bộ Nội vụ xác định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, lề lối làm việc của tổ chức phòng và tổ công tác. Phòng là tổ chức trung gian nhưng về nguyên tắc, lề lối làm việc phòng không làm cách biệt giữa thủ trưởng với cơ sở và cán bộ, nhân viên. Về tổ công tác trong Vụ, Cục, Viện, Bộ nêu rõ vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của một bộ phận công tác trong cơ quan có liên hệ với nhau. Tổ trưởng tổ công tác do thủ trưởng chỉ định. Căn cứ vào chức năng, thẩm quyền được Hội đồng Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Nội vụ đã đề ra nguyên tắc, thủ tục quản lý tổ chức phòng ở Vụ, Cục, Viện. Bộ yêu cầu trong quyết định thành lập hoặc bãi bỏ tổ chức phòng phải căn cứ quyết định ghi rõ số công văn của Bộ Nội vụ thỏa

1. Hồ sơ số 2671, phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

1. Công báo số 44, năm 1961 .

thuận². Sự chỉ đạo, hướng dẫn chặt chẽ đó bảo đảm cho việc thành lập tổ chức phòng trong các Vụ, Cục, Viện của Bộ, ngành được thực hiện khá nghiêm túc, khắc phục được tình trạng các đơn vị tự động thành lập phòng.

Một vấn đề quan trọng khác là quản lý, duy trì kỷ luật lao động trong các cơ quan Nhà nước. Đây là nội dung quản lý cán bộ, nhân viên góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên Nhà nước. Trong hoàn cảnh vừa sản xuất, vừa chiến đấu, việc duy trì kỷ luật lao động, kỷ luật công tác trong các cơ quan càng có ý nghĩa quan trọng hơn. Ngày 30-8-1966 Bộ Nội vụ cùng Bộ Lao động đã ra Thông tư liên Bộ hướng dẫn thi hành Điều lệ về kỷ luật lao động trong các xí nghiệp, cơ quan Nhà nước do Hội đồng Chính phủ ban hành. Thông tư đã giải thích 5 điều kỷ luật lao động¹:

Một là: Thực hiện đúng định mức lao động, hoàn thành kế hoạch sản xuất, chương trình công tác với chất lượng tốt nhất.

Hai là: Nghiêm chỉnh chấp hành Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên và chế độ trách nhiệm được quy định trong sản xuất và công tác; tôn trọng các quy phạm, quy trình về công nghệ, về kỹ thuật và an toàn lao động.

Ba là: Thực hiện nghiêm chỉnh nội quy xí nghiệp, cơ quan, sử dụng đầy đủ và hợp lý thì giờ làm việc của Nhà nước đã quy định.

Bốn là: Bảo vệ của công, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nguyên liệu, vật liệu, thời gian, đề cao cảnh giác cách mạng, giữ gìn bí mật Nhà nước.

Năm là: Giữ gìn trật tự, vệ sinh nơi làm việc. Thông tư còn hướng dẫn về khen thưởng và kỷ luật. Về khen thưởng có các hình thức biểu dương trong tổ sản xuất, phân xưởng, phòng, Vụ, Cục, Viện, toàn cơ quan; Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố hoặc Bộ chủ quản cấp giấy khen, bằng khen; đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước cấp bằng khen, nếu có thành tích lớn thì đề nghị Chính phủ tặng Huân chương.

Về kỷ luật, có các hình thức: Khiển trách; cảnh cáo; hạ tâng công tác, hạ cấp bậc kỹ thuật, chuyển đi làm việc khác và mức cao nhất là buộc thôi việc.

Việc ban hành Thông tư liên Bộ về kỷ luật lao động có tác dụng rất kịp thời. Trên cơ sở các nội dung quy định đó, mỗi cơ quan tăng cường công tác quản lý, động viên công nhân, viên chức "phấn đấu tăng năng suất lao động, cống hiến nhiều nhất cho Chủ nghĩa xã hội, nhất là trong giai đoạn vừa sản xuất, vừa chiến đấu chống Mỹ, cứu nước hiện nay"¹. Thông tư liên Bộ hướng dẫn thi hành Điều lệ về kỷ luật lao động đã góp phần tích cực vào việc chấn chỉnh tình trạng lơ lửng kỷ luật lao động, công tác trong các cơ quan, xí nghiệp nói chung, nhất là trong các cơ quan hành chính Nhà nước nói riêng. Trong những năm này việc phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức nữ nói chung và trong các cơ quan hành chính Nhà nước nói riêng có tầm quan trọng rất lớn. Ban Bí thư Trung ương Đảng đã có Nghị quyết số 152-NQ/TW, Nghị quyết số 153-NQ/TW về công tác cán bộ nữ và sử dụng lực lượng lao động nữ. Ngày 8-3-1967 Hội đồng Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 31-CP về tăng cường lực lượng lao động nữ trong các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước. Ngày 1-5-1968, Bộ Nội vụ cùng Bộ Lao động và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước ban hành Thông tư liên Bộ số 04-TT/LB hướng dẫn. Thông tư đã xác định ba nguyên tắc cơ bản về sử dụng lao động nữ trong các cơ quan xí nghiệp Nhà nước. *Một là:* những công việc thích hợp với cơ thể và khả năng của phụ nữ, nhất thiết phải sử dụng phụ nữ, những công việc nặng nhọc, độc hại, không phù hợp với điều kiện sinh lý của phụ nữ, không được sử dụng phụ nữ. *Hai là:* Tăng cường lực lượng lao động phụ nữ phải đi đôi với đào tạo, bồi dưỡng về văn hóa, kỹ thuật, nghiệp vụ và năng lực quản lý, giúp chị em phát triển được tài năng, hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất và công tác. *Ba là:* Sử dụng lao động phụ nữ phải đi đôi với việc bồi dưỡng và bảo vệ sức khỏe, giải quyết phúc lợi xã hội, tăng cường trang bị kỹ thuật, cải tiến công cụ

2. Hồ sơ số 2671, phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

1. Công báo số 16, ngày 15-12-1966.

1. Thông tư liên Bộ số 13-TT/LB. Công báo số 16, ngày 15-12-1966.

và điều kiện làm việc thuận lợi cho nữ công nhân viên chức làm việc với hiệu suất cao, có điều kiện tiến bộ và có sức khỏe lâu dài.

Thông tư đã chỉ ra những nội dung cơ bản và biện pháp chủ yếu để thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ và yêu cầu các ngành như Giáo dục, Y tế, Thương nghiệp phải chủ động đưa tỷ lệ nữ công nhân viên lên 50 đến 70%, điều chỉnh lao động nữ trong các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước, đào tạo, bồi dưỡng văn hóa, kỹ thuật và nghiệp vụ cho lao động nữ. Tuyển sinh hàng năm của Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp cần trao đổi với Bộ Nội vụ và Bộ Lao động về tỷ lệ tuyển sinh nữ...

Theo trách nhiệm của mình, Bộ Nội vụ đã chỉ đạo chặt chẽ tổ chức thực hiện ở các cơ quan hành chính, sự nghiệp. Trong kỳ bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, xã và tương đương năm 1969, nhiều địa phương đạt tỷ lệ phụ nữ trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và giữ các chức vụ trong Ủy ban hành chính xã, huyện, đạt trên 30%, một số nơi đạt 40% như tỉnh Vĩnh Phú, Hoà Bình, Thanh Hóa... Một số Bộ như Bộ Y tế, Bộ Giáo dục số cán bộ, viên chức là nữ tăng nhanh. Một số nơi tỷ lệ giáo viên phổ thông đạt 70% là phụ nữ. Cùng với phong trào "ba đảm đang", việc thực hiện các Nghị quyết của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Hội đồng Chính phủ, sự chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Nội vụ đã góp phần tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, tăng cường lực lượng lao động nữ nói chung và tăng cường đội ngũ cán bộ công nhân viên chức trong khu vực hành chính Nhà nước nói riêng.

II- Củng cố, kiện toàn chính quyền địa phương

Đây là nhiệm vụ công tác lớn, hoạt động nổi bật của Bộ Nội vụ trong những năm này. Bộ đã tập trung cao độ vào việc xây dựng, củng cố, kiện toàn chính quyền cấp xã, thị trấn; hướng dẫn hoạt động của cơ quan tham mưu giúp Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố và chính quyền cấp huyện; chỉ đạo tổ chức thắng lợi các cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và chỉ

đạo, quản lý công tác địa giới hành chính. Đây là nhiệm vụ công tác có ý nghĩa nền tảng bảo đảm cho việc xây dựng, củng cố hậu phương vững mạnh được triển khai kịp thời, có kết quả.

1. Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động xây dựng chính quyền xã giải toàn diện

Cuộc vận động kiện toàn chính quyền xã giải toàn diện, do Bộ Nội vụ phát động nhằm tăng cường công tác phòng không nhân dân, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu; tham gia bảo đảm giao thông vận tải; bảo vệ trật tự trị an; khắc phục hậu quả chiến tranh và đáp ứng yêu cầu to lớn về cung cấp sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam ở địa bàn chính quyền cấp cơ sở.

Hưởng ứng cuộc vận động, đầu năm 1966 trong 28 tỉnh, thành phố đã có 21 địa phương chỉ đạo thực hiện đến cấp huyện, xã hoặc làm thí điểm ở một số xã để rút kinh nghiệm. Tổng số có 928 xã đăng ký thi đua (nhiều nhất là tỉnh Phú Thọ có 228 xã, tiếp đó là tỉnh Hoà Bình có 123 xã, tỉnh Hải Dương có 158 xã, tỉnh Lào Cai có 91 xã, tỉnh Nam Hà có 66 xã và Hải Phòng có 65 xã). Trên cơ sở đánh giá kết quả bước đầu, Bộ đã chỉ đạo xây dựng, triển khai thực hiện Đề án "Đẩy mạnh kiện toàn chính quyền cấp xã, phát huy chức năng của chính quyền xã trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước". Bộ đã xác định rõ hơn ba yêu cầu của cuộc vận động là: "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ xã đối với chính quyền xã về mọi mặt; nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, kiện toàn và phát huy chức năng của chính quyền xã; phát huy khí thế cách mạng và nâng cao ý thức làm chủ của nhân dân, dựa vào hợp tác xã, các đoàn thể để động viên nhân dân tham gia quản lý Nhà nước, chấp hành mọi chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước"¹. Bộ đã bổ sung nội dung thi đua cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới thành 5 điểm như sau: Phát huy chức năng của chính quyền xã giúp đỡ hợp tác xã đẩy mạnh sản xuất,

1, 2. Hồ sơ số 2670, phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

LỊCH SỬ BỘ NỘI VỤ

hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao; thực hiện công tác bảo vệ trị an, phòng không nhân dân, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu; xây dựng đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân trong xã; chấp hành tốt các chính sách, pháp luật Nhà nước; kiện toàn tổ chức, hoạt động, lề lối làm việc của chính quyền xã, nâng cao trình độ của cán bộ xã và thực hiện tốt chính sách đối với cán bộ xã"². Cuộc vận động triển khai thành 2 đợt, mỗi đợt 1 năm. Trong năm 1966 phấn đấu bảo đảm có 1/2 số xã ở đồng bằng và Trung du; 1/3 số xã ở miền núi đạt yêu cầu là chính quyền xã giỏi toàn diện. Đối với những tỉnh đã tiến hành ở nhiều xã, cần tiến hành sơ kết và có biện pháp đẩy mạnh thực hiện. Những tỉnh mới làm thí điểm từ 1-2 xã trong năm 1965 cần xây dựng kế hoạch cụ thể, tích cực mở rộng trong năm 1966, tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động vào năm 1967¹. Bộ đã chỉ đạo biên soạn nhiều tài liệu phục vụ cho cuộc vận động phổ biến đến cấp xã. Tài liệu "*công tác chính quyền xã*", tập trung vào ba nội dung: *Một là*: chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Hội đồng nhân dân xã. *Hai là*: chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ làm việc của Ủy ban hành chính xã. *Ba là*: quan hệ giữa chính quyền xã với Đảng ủy xã, với các đoàn thể nhân dân và hợp tác xã trong xã. Các nội dung về trách nhiệm của Ủy ban hành chính xã, đối với nhiệm vụ sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu và chiến đấu, trách nhiệm đối với tổ chức đời sống nhân dân... được xác định rõ hơn.



Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phan Kế Toại đọc báo cáo bổ sung về chính sách dân tộc trong kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa I

1. Hồ sơ số 2670, phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.



Bộ Nội vụ tham gia tổ chức, xây dựng chính quyền

Ảnh: Công nhân thành phố Nam Định tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp (19-4-1959)

Nâng cao trình độ cán bộ chính quyền xã là khâu quan trọng. Ngay từ đầu năm 1966, Bộ đã có kế hoạch chỉ đạo công tác huấn luyện bồi dưỡng cán bộ chính quyền xã. Nội dung bồi dưỡng cho cán bộ xã gồm: lề lối làm việc, xây dựng nội quy công tác của Ủy ban hành chính xã, nghiệp vụ công tác của Chủ tịch và Ủy viên thư ký Ủy ban hành chính xã. Trong năm 1966 phải bảo đảm 1/2 cán bộ chủ chốt các xã được học tập, 1/2 Ủy viên không chuyên trách của Ủy ban hành chính xã được học các lớp ở huyện. Riêng với cán bộ nữ bao gồm cả Ủy viên chuyên trách và không chuyên trách đều phải được học tập đầy đủ. Năm 1966 tỉnh Thanh Hóa đã mở được 2 khóa học. Trong 13 huyện, có 20 là Chủ tịch và Phó Chủ tịch, 71 người là Ủy viên thư ký được học tập, bồi dưỡng. Số cán bộ là nữ được bồi dưỡng chiếm 50% trong tổng số cán bộ nữ ở 13 huyện. Tại tỉnh Hà Tĩnh nơi xảy ra chiến sự ác liệt, nhưng trong năm 1966 đã có 7 huyện mở lớp bồi dưỡng cán bộ xã, các chức danh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên thư ký với tổng số là 225 người. Trong đó Chủ tịch và Phó Chủ tịch 99 người và Ủy viên thư ký là 126 người¹.

Chuẩn bị cho hoạt động của Hội đồng nhân dân khóa mới bầu cử năm 1967, ngày 8-3-1967 Bộ đã có Công văn gửi Ủy ban hành chính các khu, tỉnh, thành phố, xác định phương hướng, nhiệm vụ công tác huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ chính quyền xã. Bộ chỉ đạo: "tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chính quyền cho các Ủy viên thường trực (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên thư ký của các Ủy ban hành chính xã), đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy viên không chuyên trách". Bộ đã xác định nhiệm vụ của các Ban Tổ chức dân chính tỉnh, thành phố: "giúp Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể về công tác huấn luyện, bồi dưỡng năm 1967". Bộ đã phát hành "Đề cương nghiên cứu phương hướng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp tiến hành công tác huấn luyện bồi dưỡng cán

1. Hồ sơ số 761, phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

bộ chính quyền xã", "phát huy đầy đủ chức năng chính quyền cấp xã trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước"². Chương trình học tập cho cán bộ xã tại các trường Đảng tỉnh, thành phố thời gian 2 tháng rưỡi. Các lớp huấn luyện chính trị của huyện, nội dung bồi dưỡng tương ứng như cấp tỉnh nhưng rút gọn trong thời gian một tháng. Đối với các lớp hoặc hội nghị bồi dưỡng tùy theo các đối tượng bố trí từ 7 ngày đến 12 hoặc 15 ngày. Công tác huấn luyện, bồi dưỡng đã góp phần tích cực nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, đẩy mạnh hoạt động của chính quyền xã.

Để tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chính quyền xã "giỏi toàn diện" cuối năm 1967, Bộ đã chỉ đạo sơ kết và tháng 7-1968 đã mở hội nghị toàn miền Bắc. Tại báo cáo gửi Ban Bí thư, Đảng đoàn Bộ Nội vụ đã nêu lên kết quả bước đầu của cuộc vận động như sau: Trong 25 tỉnh có hơn 2.000 xã tham gia cuộc vận động. Số xã được tỉnh, huyện bình xét đạt danh hiệu giỏi và khá là 824 xã (giỏi là 213 xã và khá là 605 xã). Các xã ở trục giao thông quan trọng thường xây ra chiến sự ác liệt và các xã vùng núi cao, biên giới, ven biển, vùng đồng bào công giáo đã tham gia cuộc vận động. Một số tỉnh, huyện đã kịp thời sơ kết, phổ biến kinh nghiệm những xã làm tốt để động viên mở rộng phong trào. Kết quả nổi bật được thể hiện trên các mặt sau:

Vai trò của Hội đồng nhân dân xã được đề cao. Sinh hoạt của Hội đồng nhân dân đúng quy định, số đại biểu đi dự họp đông đủ. Đã chấm dứt tình trạng lấy hội nghị "quân, dân chính" thay thế kỳ họp Hội đồng nhân dân. Kỳ họp Hội đồng nhân dân đã được chuẩn bị, có báo cáo, có kế hoạch và nhiều nơi lấy được ý kiến nhân dân. Trong hội nghị đã có những ý kiến tham gia đóng góp tích cực về các vấn đề kinh tế, xã hội, phòng không nhân dân, sẵn sàng chiến đấu. Hội đồng nhân dân xã Vinh Quang (huyện Tiên Lãng - Hải Phòng) đã đề xuất cải tạo mặt đường, bỏ cống, làm cầu, phát triển xe cải tiến và thuyền nan để giải phóng đôi vai; Hội đồng nhân

dân xã Lay Nưa (huyện Mường Lay - Lai Châu) đề xuất biện pháp vận động nhân dân dùng phân chuồng trong canh tác để tăng năng suất lúa; Hội đồng nhân dân xã Trung Trạch (huyện Bố Trạch - Quảng Bình) đề xuất làm hầm hào tại chỗ để vừa sản xuất vừa chiến đấu, không nên đưa dân sơ tán lên núi ven đường 15 địch luôn đánh phá nguy hiểm hơn... Ủy ban hành chính nhiều xã đã nhận thức đúng hơn chức năng, nhiệm vụ của mình trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, trách nhiệm hướng dẫn, giúp đỡ tổ chức sản xuất của hợp tác xã nông nghiệp, giúp đỡ hoạt động của hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng. Đã khắc phục một bước tình trạng Đảng ủy phải làm thay công việc của Ủy ban hành chính xã hoặc hợp tác xã nông nghiệp lấn quyền. Một số nơi có tiến bộ trong giải quyết tình trạng này như Hải Phòng, Hải Hưng, Hà Nội, Nghệ An, Hà Bắc...

Ủy ban hành chính xã còn phát huy chức năng, nhiệm vụ trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chỉ đạo thực hiện tốt công tác bảo vệ trật tự trị an, phòng không sơ tán, xây dựng lực lượng dân quân, du kích, động viên tuyển quân, thực hiện nghĩa vụ quân sự, tổ chức phục vụ chiến đấu và chiến đấu, khắc phục hậu quả chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ...¹. Tuy nhiên, cuộc vận động còn bộc lộ những hạn chế: chưa rộng khắp, số xã đăng ký mới chiếm 1/3 tổng số xã toàn miền Bắc. Nhiều tỉnh, huyện các xã tham gia trong tình trạng "xôi đổ". Một số xã được công nhận đạt danh hiệu xã giỏi toàn diện hoặc xã khá của địa phương nhưng chưa giữ vững và phát triển các kết quả đó... Nguyên nhân của tình hình trên là do nhận thức về vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc vận động chưa thật sự sâu sắc trong cán bộ các cấp. Ở cấp xã trực tiếp tổ chức thực hiện chưa gắn kết với các cuộc vận động, các phong trào của các tổ chức đoàn thể như xây dựng chi bộ, đảng bộ "4 tốt", phong trào "3 đảm đang",

2. Hồ sơ số 2648, phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

1. Báo cáo về cuộc vận động kiện toàn chính quyền xã (3 năm từ năm 1965 đến năm 1967), hồ sơ số 2681, phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

"3 sẵn sàng"... Cấp uỷ tỉnh, huyện nhiều nơi chưa thật sự chi đạo sát sao. Đến cuối năm 1967 mới có 17 trong 28 Tỉnh uỷ, Thành uỷ có Nghị quyết chi đạo cuộc vận động. Nhiều ngành ở Trung ương chưa biết hoặc biết ít về cuộc vận động này. Do đó, mặc dù Bộ Nội vụ đã có nỗ lực lớn nhưng kết quả chưa tương xứng.

Sau hội nghị sơ kết tháng 7-1968, Bộ tiếp tục chỉ đạo thực hiện nội dung, kế hoạch đẩy mạnh cuộc vận động. Trong kế hoạch này Bộ đã hoàn chỉnh thêm nội dung, mục đích, yêu cầu của cuộc vận động. Các tiêu chuẩn của cuộc vận động được bổ sung, điều chỉnh cụ thể, rõ ràng hơn. Ví dụ "tiêu chuẩn 1 là: Xác định rõ và thực hiện ngày càng đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của chính quyền xã trong việc chỉ đạo sản xuất, tổ chức chiến đấu, xây dựng đời sống và bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách, pháp luật" được xây dựng chi tiết thành 5 chỉ tiêu chỉ đạo sản xuất, 5 chỉ tiêu tổ chức chiến đấu, phục vụ chiến đấu, bảo vệ trật tự, trị an, 5 chỉ tiêu về chăm lo đời sống... Với sự chỉ đạo của Bộ, sự cố gắng của các địa phương, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh, Ban Tổ chức Dân chính và sự cố gắng của cán bộ, chính quyền cấp xã, phong trào đã được đẩy mạnh và thu được những kết quả mới. Báo cáo về công tác kiện toàn chính quyền xã (4 năm từ 1965-1969) của Bộ đã cho biết: "Tính đến cuối tháng 2-1969 đã có 21 tỉnh sơ kết cuộc vận động kiện toàn chính quyền xã hai chiều: từ xã lên và từ tỉnh xuống. Có 14 tỉnh, 67 huyện, 895 xã đã tiến hành xong hội nghị sơ kết của tỉnh, huyện, xã. Các địa phương đều nhận thấy phải đẩy mạnh hơn nữa công tác kiện toàn chính quyền xã để phát huy mạnh mẽ vai trò cấp xã trong việc củng cố hậu phương lớn, phục vụ đắc lực cho tiền tuyến lớn. Tại 21 tỉnh, thành phố đã đánh giá, phân loại có 816 xã đạt tiêu chuẩn chính quyền giỏi; 995 xã đạt tiêu chuẩn chính quyền khá. Có 165 xã được Bộ Nội vụ cấp 148 bằng khen và 17 giấy khen, chính quyền 20 xã được Thủ tướng Chính phủ cấp

Bằng khen¹.

Cuộc vận động đã góp phần củng cố, phát huy vai trò của chính quyền xã trong việc tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật, nhanh chóng, kịp thời hơn trước. Các mặt công tác, sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, chăm lo đời sống nhân dân được thực hiện có kết quả, góp phần củng cố hậu phương ngày càng vững mạnh, động viên sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam. Bộ chủ trương tiếp tục đẩy mạnh phong trào ở các địa phương, tiến hành tổng kết phong trào vào năm 1970.

2. Chỉ đạo tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

Nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã và tương đương giai đoạn 1965-1967 đến thời hạn kết thúc, ngày 31-01-1967 Hội đồng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 11-CP ấn định thời gian bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã và tương đương nhiệm kỳ 1967-1969 từ ngày 01 đến 30-4-1967. Thực hiện Quyết định của Hội đồng Chính phủ, ngày 6-2-1967 Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 05-NV hướng dẫn việc tổ chức cuộc bầu cử này. Nội dung hướng dẫn tập trung vào việc tổ chức bầu cử trong điều kiện sơ tán, phân tán. Ngày 8-3-1967 Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 143-CT/TW về việc lãnh đạo bầu cử Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính cấp huyện, xã và cấp tương đương. Ban Bí thư Trung ương đã chỉ đạo một số nội dung, nhiệm vụ quan trọng: Việc *đầu tiên* là tổ chức kiểm điểm sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng đối với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính huyện, xã và các cấp tương đương, chấn chỉnh sự lãnh đạo của cấp uỷ và phương thức hoạt động của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban hành chính huyện, xã khóa mới. *Hai là*: Về cấu tạo

1. Báo cáo về công tác kiện toàn chính quyền xã giai đoạn từ năm 1965 đến năm 1969.

2. Hồ sơ số 2685, phong Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

thành phần của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính huyện, xã và cấp tương đương: trực tiếp sản xuất và chiến đấu khoảng 60%. Về số đảng viên tham gia Hội đồng nhân dân, không nên chiếm quá 50% ở cấp huyện và 40% ở cấp xã. Bí thư Đảng ủy xã và Bí thư chi bộ xã không nên tham gia Hội đồng nhân dân huyện quá nhiều. *Ba là*: Phải bảo đảm an toàn tuyệt đối cho cuộc bầu cử, không chủ quan, mất cảnh giác¹.

Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư, ngày 28-3-1967 Đảng đoàn Bộ Nội vụ đã có Công văn số 18-ĐĐ-NV gửi Khu ủy, Thành ủy, Tỉnh ủy và gửi Đảng đoàn chính quyền khu, thành, tỉnh hướng dẫn hai nội dung lớn là: Kiểm điểm sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính huyện, xã và các cấp tương đương; về giới thiệu người ra ứng cử. Đảng đoàn Bộ Nội vụ nhắc lại tinh thần Chỉ thị số 143-CT/TW: "Đề cho nhân dân tự giới thiệu người ra ứng cử; tuyệt đối không dự kiến danh sách trước rồi đưa ra nhân dân tham gia ý kiến"². Ngày 13-3-1967, Bộ đã có Công văn số 453-CQĐP gửi Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn thêm vấn đề cử tri sơ tán và công, nông trường, xí nghiệp tham gia bầu cử. Trong hoàn cảnh giấy khan hiếm, Bộ chỉ đạo các địa phương có thể in thẻ cử tri nhỏ hơn mẫu quy định, phiếu bầu cử cũng được điều chỉnh cho phù hợp... Bộ còn chỉ đạo biên soạn các tài liệu hướng dẫn chi tiết, cụ thể về bầu cử và cử 5 đoàn cán bộ của Trung ương đi kiểm tra, chỉ đạo bầu cử ở 5 khu vực: các tỉnh khu 4 cũ, trọng điểm là Nghệ An, các tỉnh Khu tự trị Việt Bắc, trọng điểm là tỉnh Bắc Thái, các tỉnh Khu tự trị Tây Bắc trọng điểm là tỉnh Sơn La; các tỉnh Ninh Bình, Nam Hà, Thái Bình, Hà Tây, Hà Nội, trọng điểm là Hà Tây; các tỉnh Hà Bắc, Hải Dương, Hưng Yên, Hải Phòng, Vĩnh Phúc và Phú Thọ, trọng điểm là Hải Phòng. Với sự nỗ lực của các cấp, cuộc bầu cử đã đạt kết quả tốt. Về cơ cấu thành phần Ủy ban hành chính cấp huyện, xã và

tương đương đã đạt các tỷ lệ sau: ở cấp huyện tỷ lệ nữ được bầu vào Ủy ban hành chính là 26,63%, người ngoài Đảng chiếm 29,12%. Tuy nhiên một số nơi chưa thực hiện đúng chỉ đạo của Trung ương về cơ cấu thành phần đại biểu Hội đồng nhân dân, ủy viên Ủy ban hành chính là nữ và người ngoài Đảng. Một số nơi như huyện Thiệu Hóa (Thanh Hóa), Mỹ Đức (Hà Tây)... không có người ngoài Đảng nào trong Ủy ban hành chính.

Năm 1968 đến nhiệm kỳ mới của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính cấp khu, tỉnh, thành phố. Ngày 28-1-1968 Hội đồng Chính phủ đã quyết định chọn ngày chủ nhật 28-4-1968 là ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân khu tự trị, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và từ ngày đó đến hết ngày 30-4-1968 là thời gian tiến hành bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các tỉnh trong khu tự trị. Ngày 14-2-1968, Bộ Nội vụ đã ra Thông tư về bầu cử Hội đồng nhân dân khu tự trị, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 1968. Ngày 15-2-1968 Bộ đã tổ chức hội nghị phổ biến, hướng dẫn tổ chức thực hiện. Tiếp đó Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 157-CT/TW ngày 21-2-1968 về việc lãnh đạo cuộc bầu cử.

Cùng với các nội dung chỉ đạo như các cuộc bầu cử trước, điểm nổi bật trong chỉ đạo kỳ bầu cử này là: không bầu tròn, nghĩa là danh sách người ứng cử phải nhiều hơn số người được bầu. Thông tư của Bộ chỉ rõ: "ở mỗi đơn vị bầu cử, cần giới thiệu dư từ 2 đến 3 người để nhân dân lựa chọn không giới thiệu tròn. Hết sức tránh mọi hình thức mệnh lệnh, gò ép làm hạn chế quyền dân chủ của nhân dân"¹. Về thành phần đại biểu, Ban Bí thư xác định rõ: "Ở các thành phố, các tỉnh có công nghiệp phát triển, *cần chú ý tăng cường thành phần công nhân trong Hội đồng nhân dân*."

Ở miền núi, Hội đồng nhân dân phải bao gồm đại biểu của các dân tộc thiểu số và nơi nào có nhiều đồng bào miền xuôi lên khai hoang, phát triển kinh tế miền núi, cũng cần có đại biểu của họ. Trong Hội đồng nhân dân khu

1. Chỉ thị số 143-CT/TW ngày 08-3-1967 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

2. Hồ sơ số 2682, phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

1. Hồ sơ số 2687, phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

tự trị, phải có đại biểu thuộc tầng lớp trên..."².

Bộ đã xây dựng "Kế hoạch công tác tuyên truyền về cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân cấp khu tự trị, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương", xây dựng nội dung hướng dẫn việc giới thiệu người ra ứng cử. Chào mừng chiến thắng xuân Mậu Thân năm 1968, một bản Đề cương tuyên truyền có nhan đề "với tư thế chiến thắng và nêu cao tinh thần làm chủ Nhà nước, nhân dân ta hăng hái tham gia cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân khu tự trị, tỉnh, thành phố...", Bộ đã cho phát hành bản "Tin chính quyền địa phương" số 1 vào tháng 3-1968 với tên bìa là "Thông báo nội bộ của Bộ Nội vụ về hoạt động và xây dựng chính quyền địa phương". Bản tin in Rô-nê-ô độ dày 12 trang, phản ánh cuộc vận động xây dựng chính quyền xã giới toàn diện và tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân khu tự trị, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Bản tin phát hành 3 tháng 1 kỳ, số 2 phát hành vào tháng 6-1968.

Số ứng cử viên trong danh sách bầu cử nhiều nơi đã bảo đảm số dư cao, trong các khu, tỉnh, thành phố đạt số dư 20%. Nhiều nơi số dư khá cao như tỉnh Nghệ An 37,3%, Hà Tĩnh 40,3%, đặc biệt thành phố Hà Nội số dư là 57,14%. Việc tổ chức bầu cử thực hiện chu đáo, chặt chẽ. Mỗi hòm phiếu đều có 1 hoặc 2 điểm dự bị và đầy đủ hàm hào trú ẩn phòng không. Một số nơi ở tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh địch đánh phá nhưng không ai bị thương. Kết quả tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu rất cao với tỷ lệ 98,5%, một số đơn vị bầu cử huyện đạt 100% cử tri đi bỏ phiếu. Số đại biểu trực tiếp sản xuất, chiến đấu trung bình 40,33%, thành phố Hà Nội đạt cao nhất là 57,14%, nơi thấp nhất là tỉnh Sơn La 34,4%. Đại biểu là phụ nữ đạt trung bình là 36,94%, nơi có tỷ lệ cao nhất là tỉnh Vĩnh Phú 42,05%, thấp nhất là tỉnh Cao Bằng 25,67%, đại biểu tuổi trẻ trung bình 27% tỉnh có tỷ lệ cao nhất là tỉnh Hà Bắc 29%, nơi có tỷ lệ thấp

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.29, tr.177-178.

nhất là tỉnh Nghệ An 20%¹. Cuối tháng 10-1968, Bộ Nội vụ đã tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm chỉ đạo cuộc bầu cử này. Đây cũng là bước chuẩn bị để Bộ tiến hành chỉ đạo cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã năm 1969.

Ngày 23-12-1968 Hội đồng Chính phủ đã ra Quyết định số 200-CP ấn định từ ngày 01 đến ngày 30-4-1969 là thời gian bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp huyện, xã và tương đương. Ngày 7-1-1969 Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 12-NV chỉ đạo bầu cử. Kỳ bầu cử này có một số nội dung mới: *Một là* tổ chức kiểm điểm và báo cáo với cử tri về hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính trước khi hết nhiệm kỳ để nhân dân tham gia ý kiến nhận xét, phê bình. *Hai là*: Mỗi đơn vị bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp huyện, xã và tương đương không bầu quá 5 đại biểu"². Cùng ngày Bộ đã ban hành "Kế hoạch giới thiệu người ra ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, xã và các cấp tương đương năm 1969". Kế hoạch đã xác định quy trình 2 bước giới thiệu người ra ứng cử: Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tổ chức nhân dân thảo luận, giới thiệu người ra ứng cử; họp Hội nghị hiệp thương lập danh sách giới thiệu người ra ứng cử...

Kỳ bầu cử này Bộ Nội vụ đã thực hiện nhiều nội dung chỉ đạo mới của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Kết quả cuộc vận động phát huy dân chủ ở nông thôn những năm 1967-1968 cũng góp phần tạo cơ sở động viên nhân dân tích cực tham gia cuộc bầu cử. Ngày 17-5-1969 Bộ Nội vụ đã có thông báo kết quả cuộc bầu cử "Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính cấp huyện, xã và tương đương nhiệm kỳ 1967-1969 đã nghiêm túc kiểm điểm và báo cáo công tác trước nhân dân. Hàng triệu ý kiến tham gia đóng góp của nhân dân với tinh thần thẳng thắn, ghi nhận những cố gắng và góp ý, phê bình những thiếu sót của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính. Ngày bầu cử được thực

1. Hồ sơ số 2687, phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

2. Hồ sơ số 2687, phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

hiện nhanh gọn, nhiều đơn vị bầu cử đến 11 giờ trưa đã đạt tỷ lệ 85% đến 100% cử tri đi bỏ phiếu. Tổng số cử tri đi bầu trên toàn miền Bắc đạt 99,08%. Số đại biểu nữ đạt trên 40%, một số nơi đạt 50% như Vĩnh Phú, Thái Bình, Thanh Hóa. Số đại biểu trẻ tuổi đạt 33 đến 38%. Ở cấp huyện số đại biểu trực tiếp sản xuất 60%”¹.

Hoàn thành nhiệm vụ chỉ đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã và tương đương nhiệm kỳ 1969-1971, Bộ Nội vụ đã hoàn thành một nhiệm vụ quan trọng về xây dựng Nhà nước, xây dựng chính quyền địa phương. Đây cũng là kỳ bầu cử cuối cùng do Bộ Nội vụ chỉ đạo tổ chức tiến hành suốt hơn 20 năm kể từ ngày lập nước. Ngày 26-2-1970, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 40-CP về việc chuyển nhiệm vụ quản lý công tác tổ chức từ Bộ Nội vụ về Phủ Thủ tướng. Vì vậy, từ cuộc bầu cử năm 1971 do Phủ Thủ tướng chỉ đạo, Bộ Nội vụ không thực hiện nhiệm vụ này nữa.

3. Chỉ đạo xây dựng tổ chức, bộ máy và hoạt động của chính quyền địa phương

Trước tình hình nhiệm vụ mới, yêu cầu phải chuyển hướng công tác tổ chức phục vụ sản xuất, chiến đấu và đời sống, chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải tăng cường vai trò chỉ đạo, quản lý. Văn phòng Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố là cơ quan tham mưu có vị trí rất quan trọng, trực tiếp giúp việc chỉ đạo, điều hành hoạt động hàng ngày. Đầu tháng 4-1966 Bộ Nội vụ đã xây dựng đề án chỉ đạo kiện toàn bộ máy văn phòng Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Nội dung của Đề án tập trung làm rõ: chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; quyền và trách nhiệm của Chánh văn phòng Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố; cách tổ chức

và nhiệm vụ của các phòng thư ký của Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Một nội dung quan trọng là nâng cao trình độ, năng lực cán bộ cho Văn phòng "Tăng cường Chánh, Phó văn phòng và kiên quyết thực hiện việc chuyên môn hóa người đảm nhiệm chức vụ Chánh, Phó văn phòng". Bản đề án còn xác định mối quan hệ công tác giữa văn phòng với Ủy ban hành chính, giữa Văn phòng với các phòng thư ký, giữa văn phòng với các cơ quan (Ty, Sở) và Ủy ban hành chính huyện, thị, khu phố... Thực hiện Đề án này, Văn phòng Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố được chấn chỉnh về tổ chức và tăng cường cán bộ. Tiếp đó, ngày 28-9-1967 Bộ Nội vụ ra Thông tư số 25/NV về việc kiện toàn Văn phòng Ủy ban hành chính huyện. Đây cũng là bước chuẩn bị cho việc thực hiện chủ trương về tăng cường cấp huyện đang được hình thành lúc bấy giờ. Thông tư của Bộ đã chỉ ra ba vấn đề lớn: vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Ủy ban hành chính huyện; tổ chức Văn phòng; quan hệ công tác và lề lối làm việc của Văn phòng. Thông tư chỉ rõ nội dung nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Ủy ban hành chính huyện, tổ chức Văn phòng. Thông tư của Bộ nhấn mạnh nội dung cải tiến lề lối làm việc bao gồm cải tiến cách nắm và tổng hợp tình hình; cải tiến nội dung sinh hoạt¹.

Tiếp đó, ngày 24-11-1967 Bộ Nội vụ ra Thông tư số 30-NV về hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện, xã và các cấp tương đương theo tinh thần chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường lãnh đạo hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp sau cuộc bầu cử. Bộ đề nghị Ủy ban hành chính các Khu tự trị, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo, bảo đảm cho Hội đồng nhân dân huyện, xã họp đúng kỳ, thực sự bàn bạc và quyết định những việc quan trọng của địa phương. Ủy ban hành chính huyện, xã không được tự ý hoãn hoặc bỏ các kỳ họp Hội đồng nhân dân... Tăng cường hoạt động ngoài hội nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Hồ sơ số 2687, phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

1. Hồ sơ số 2680, phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

huyện, xã và tạo điều kiện cho các đại biểu làm việc. Thông tư hướng dẫn nội dung hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân về tiếp xúc cử tri, lắng nghe ý kiến của cử tri. Tại Thông tư này Bộ Nội vụ cho ý kiến về thành lập một số Ban cần thiết của Hội đồng nhân dân. Tăng cường tổ chức và cán bộ phụ trách công tác Hội đồng nhân dân huyện, xã. Mỗi Ủy ban hành chính huyện, xã phân công một uỷ viên chuyên trách về hoạt động Hội đồng nhân dân. Để bảo đảm hoạt động đồng bộ của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp, ngày 14-12 -1967 Bộ ban hành Thông tư số 34-NV "Hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định một số điểm về bầu cử và tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban hành chính các cấp trong thời chiến". Thông tư có 3 nội dung chỉ đạo quan trọng. Về cho hoãn họp Hội đồng nhân dân. Nếu không thể triệu tập Hội đồng nhân dân họp đúng kỳ hạn quy định, Ủy ban hành chính cùng cấp phải báo cáo lên Ủy ban hành chính cấp trên trực tiếp. Quy định cấp có thẩm quyền quyết định về tăng số lượng uỷ viên của Ủy ban hành chính các cấp. Quy định thể thức bổ sung uỷ viên Ủy ban hành chính thực hiện trong các hoàn cảnh họp được và không họp được Hội đồng nhân dân. Trong trường hợp do chiến sự ác liệt không tổ chức bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân để bầu vào Ủy ban hành chính thì Hội đồng nhân dân có thể bầu người không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân vào Ủy ban hành chính với điều kiện Ủy ban hành chính cùng cấp phải báo cáo lên Ủy ban hành chính cấp trên. Thực hiện các nội dung hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ, tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương có sự chuyển biến quan trọng. Đã chấm dứt tình trạng tùy tiện bỏ họp hoặc hoãn họp Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã. Song do điều kiện chiến tranh chuyển biến ở các địa phương không đồng đều. Việc quan tâm tăng cường chỉ đạo củng cố tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp huyện, xã và tương đương vẫn là nhiệm vụ lớn của Bộ.

Cùng thời gian này công tác xây dựng, củng cố chính quyền thị trấn nông trường là nét đáng chú ý. Cuối tháng 8-1967 Bộ Nội vụ đã tổ chức rút kinh nghiệm về tổ chức và hoạt động của chính quyền thị trấn nông trường. Thị

trấn nông trường là chính quyền cấp cơ sở nhưng có nhiều đặc điểm riêng. Bộ Nội vụ đã xác định chức năng, nhiệm vụ của thị trấn nông trường là: "Quản lý hành chính Nhà nước đối với tất cả công dân cư trú trên đất đai thuộc phạm vi địa giới hành chính của thị trấn nông trường, lãnh đạo sản xuất và chăm lo đời sống đối với những người thuộc gia đình cán bộ công nhân viên chức và những người sinh sống dựa theo nông trường; bảo vệ sản xuất, giám sát thi hành các chính sách và luật pháp của Nhà nước, giúp đỡ việc đặt quan hệ tốt với nhân dân địa phương.."1 Trong 2 năm 1966-1967, Bộ Nội vụ đã quyết định thành lập 22 thị trấn nông trường ở các tỉnh: Hà Bắc, Phú Thọ, Thanh Hóa, Quảng Bình, Nam Hà, Tuyên Quang, Yên Bái, Hà Giang, Hoà Bình, Nghệ An, Bắc Thái...Kết quả xây dựng tổ chức, bộ máy và hoạt động của thị trấn nông trường đã hình thành về cơ bản mô hình tổ chức hoạt động của loại hình chính quyền cơ sở này. Ủy ban hành chính có 7 thành viên và 3 khối công tác là: kinh tài, nội chính và văn xã. Phân công cụ thể cho các vị trí bao gồm: Chủ tịch (do Phó Giám đốc nông trường kiêm nhiệm) phụ trách chung, kiêm chỉ huy dân quân tự vệ và Chủ tịch phòng không nhân dân; một Phó chủ tịch (thuộc biên chế hành chính Nhà nước) phụ trách khối kinh tài, nội chính kiêm trưởng ban tư pháp; một Phó chủ tịch (là cán bộ nữ không thoát ly sản xuất) phụ trách khối văn xã...

Kinh nghiệm trong tổ chức, hoạt động của thị trấn nông trường là giải quyết mối quan hệ giữa chính quyền thị trấn với Giám đốc nông trường. Đồng thời, sự lãnh đạo của Đảng uỷ nông trường và sự chỉ đạo, giúp đỡ của Ủy ban hành chính huyện là những yếu tố bảo đảm quan trọng. Trong hoàn cảnh chiến tranh, địa bàn các nông trường có vị trí rất quan trọng về trật tự trị an, chống gián điệp, biệt kích xâm nhập, phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Vì vậy, việc xây dựng, củng cố tổ chức và hoạt động của chính quyền thị trấn nông trường có ý nghĩa to lớn trong việc củng cố, bảo

1. Hồ sơ số 2670, phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

vệ vững chắc hậu phương, góp phần đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ và bè lũ tay sai.

Trong những năm tháng kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, hợp tác xã nông nghiệp có vai trò to lớn, là nơi quản lý và cung cấp sức người, sức của cho cuộc chiến đấu và xây dựng, củng cố hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Việc củng cố, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp vững mạnh là yêu cầu rất bức thiết. Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp là công cụ quan trọng, được Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm. Ủy ban thường vụ Quốc hội đã thông qua Điều lệ hợp tác xã và Chính phủ đã có quyết định thi hành. Thực hiện Quyết định của Chính phủ và sự chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, theo chức năng, nhiệm vụ của mình, ngày 01-9-1969 Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 25-NV hướng dẫn chính quyền xã trong việc tham gia tổ chức thực hiện Điều lệ hợp tác xã. Thông tư của Bộ yêu cầu "Các Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh và huyện cần nhận thức sâu sắc ý nghĩa, nội dung, tầm quan trọng của Điều lệ..., liên hệ, kiểm điểm và có kế hoạch phát huy chức năng, trách nhiệm đối với việc phổ biến, hướng dẫn, làm cho chính quyền xã nắm vững Điều lệ, thấy được trách nhiệm giúp đỡ hợp tác xã thực hiện tốt Điều lệ"¹. Bộ xác định trách nhiệm của chính quyền xã, Hội đồng nhân dân xã: tôn trọng quyền dân chủ của xã viên, chấp hành pháp luật, các chế độ, chính sách... tổ chức thực hiện Điều lệ. Bộ Nội vụ đã phối hợp với Ban Nông nghiệp Trung ương theo dõi việc tổ chức thực hiện Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp. Trong thời gian này Bộ Nội vụ còn tham gia với Bộ Tài chính xây dựng Điều lệ về Ngân sách xã.

4. Chỉ đạo và quản lý công tác địa giới hành chính

Trong thời kỳ này, công tác quản lý địa giới hành chính có thêm những yêu cầu, nhiệm vụ mới. Đó là việc xem xét điều chỉnh, hợp nhất địa giới tỉnh,

chia tách, hợp nhất huyện, xã và thành lập mới tổ chức thị trấn nông trường. Công tác quản lý địa giới hành chính các đảo, cồn, ven biển và cửa sông, bển, vịnh, luồng, mũi, ghềnh, bãi... cũng được quan tâm phục vụ thiết thực cho nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu và bảo đảm đời sống của nhân dân.

Tính đến tháng 10-1966 các đơn vị hành chính của miền Bắc có 2 khu tự trị (Việt Bắc và Tây Bắc); 2 thành phố trực thuộc Trung ương là Thủ đô Hà Nội và thành phố Hải Phòng; 26 tỉnh (kể cả khu vực Vĩnh Linh); có 4 thành phố thuộc tỉnh là: Nam Định, Thái Nguyên, Việt Trì, Vinh; có 30 thị xã trong đó 20 thị xã là tỉnh lỵ và 10 thị xã không phải là tỉnh lỵ; có 258 huyện gồm 122 huyện đồng bằng, 25 huyện trung du và 111 huyện miền núi; có 7 khu phố (Hà Nội 4 và Hải phòng 3); có 93 thị trấn trong đó có 5 thị trấn thuộc tỉnh, 17 thị trấn nông trường; toàn miền Bắc có 5.877 xã gồm 3.595 xã đồng bằng, 2.281 xã miền núi; có 3 xã giới tuyến, 83 xã biên giới Việt - Lào và 151 xã biên giới Việt - Trung.

Ở cấp tỉnh, tiếp theo các tỉnh Hà Tây, Bắc Thái, Nam Hà, Bộ Nội vụ đã tham mưu giúp Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phê duyệt việc hợp nhất các tỉnh: Hải Dương với Hưng Yên thành tỉnh Hải Hưng; Vĩnh Phúc với Phú Thọ thành tỉnh Vĩnh Phú vào tháng 1-1968. Ở cấp huyện, Bộ Nội vụ đã tham mưu đề Hội đồng Chính phủ quyết định chia tách, hợp nhất một số huyện giúp cho các địa phương tăng cường công tác quản lý, tổ chức sản xuất, chiến đấu và chăm lo đời sống nhân dân. Ngày 7-4-1966 Hội đồng Chính phủ có Quyết định số 67-CP chia huyện Hà Quảng của tỉnh Cao Bằng thành hai huyện Hà Quảng và Thông Nông. Hợp nhất hai huyện An Dương và Hải An thành huyện An Hải thuộc thành phố Hải Phòng. Việc tách xã và lập huyện ở nhiều nơi bộc lộ sự lúng túng, sai sót. Nhiều địa phương phân vạch địa giới chưa làm đúng những nguyên tắc, thủ tục quy định. Một số nơi vi phạm dân chủ, gò ép mệnh lệnh, thiếu tôn trọng ý kiến nhân dân. Cá biệt có nơi tự động điều chỉnh địa giới xã không báo cáo với cấp trên. Trước tình hình đó, ngày 6-11-1967, Bộ Nội

1. Hồ sơ số 2695, phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

vụ đã ra Thông tư số 28-NV hướng dẫn các địa phương chấn chỉnh công tác phân vạch địa giới hành chính xã, thị trấn. Bộ xác định yêu cầu, điều kiện để phân vạch địa giới hành chính xã, thị trấn gồm: về phát triển kinh tế, tăng cường quản lý nhà nước, tạo thuận lợi cho sinh hoạt của nhân dân địa phương và được nhân dân đồng tình. Bộ hướng dẫn thủ tục của từng trường hợp cụ thể: Điều chỉnh các thôn, xóm từ xã này sang xã khác cùng trong một tỉnh; điều chỉnh các đơn vị hành chính xã từ huyện này sang huyện khác cùng trong một tỉnh; hợp nhất những đơn vị hành chính xã quá nhỏ hoặc chia những đơn vị hành chính xã quá lớn thành những xã mới; phân vạch địa giới các đơn vị hành chính thị trấn thuộc huyện; phân vạch địa giới hành chính xã, thị trấn trong khu tự trị... Điểm nổi bật trong những năm này là Bộ đã ra Quyết định thành lập nhiều thị trấn nông trường. Năm 1966 Bộ Nội vụ ban hành 13 quyết định thành lập, chia xã, điều chỉnh địa giới xã, lập thị trấn nông trường ở các tỉnh: Hà Bắc, Quảng Ninh, Phú Thọ, Thanh Hoá, Quảng Bình, Nam Hà, Hải Dương. Năm 1967 Bộ Nội vụ ban hành 32 Quyết định sáp nhập, lập xã, thị trấn mới trong đó có 14 thị trấn nông trường ở các tỉnh: Yên Bái, Hà Giang, Ninh Bình, Nghĩa Lộ, Hà Bắc, Thanh Hóa, Phú Thọ, Bắc Thái, Nghệ An, Nam Hà, Tuyên Quang, Hoà Bình. Năm 1968 Bộ Nội vụ đã ban hành 13 Quyết định điều chỉnh địa giới xã, thành lập thị trấn nông trường ở các tỉnh: Sơn La, Hoà Bình, Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Bắc Thái, Cao Bằng, Hải Hưng, Nghệ An.

Một vấn đề quan trọng phục vụ thiết thực cho an ninh quốc phòng là sửa đổi, thống nhất tên gọi của các địa hình đặc thù ở các tỉnh ven biển của miền Bắc. Sau một thời gian nghiên cứu, ngày 23-7-1968, Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 98-NV Về việc sửa đổi và thống nhất tên gọi của các hòn, đảo, cồn, đỉnh, núi, cửa, bến, vịnh, vũng, luồng, lạch, cái, mũi, ghènh, bãi, chương... trước đây đã có tên cũ bằng tiếng Pháp và tiếng Việt thuộc địa hạt thành phố Hải Phòng, các tỉnh: Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Hà, Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và khu vực Vĩnh Linh kèm theo

8 bảng phụ lục đính kèm.

Phụ lục I có danh sách 836 địa danh có tên cũ bằng tiếng Pháp thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Phụ lục II có danh sách 648 địa danh có tên cũ bằng tiếng Việt thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Phụ lục III có danh sách 182 địa danh mới đặt tên thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Phụ lục IV có danh sách 89 địa danh có tên cũ bằng tiếng Pháp thuộc thành phố Hải Phòng.

Phụ lục V có danh sách 55 địa danh có tên cũ bằng tiếng Việt thuộc thành phố Hải Phòng.

Phụ lục VI có danh sách 473 địa danh mới đặt tên thuộc thành phố Hải Phòng.

Phụ lục VII có danh sách 101 địa danh có tên cũ bằng tiếng Pháp và tiếng Việt thuộc các tỉnh: Thái Bình, Nam Hà, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và khu vực Vĩnh Linh.

Phụ lục VIII có danh sách 52 địa danh mới (trước đây chưa có tên) thuộc các tỉnh: Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và khu vực Vĩnh Linh).

Thực hiện Nghị quyết số 29-CP của Hội đồng Chính phủ về phân cấp quản lý kinh tế, nhiều địa phương đã báo cáo lên Chính phủ xin phân vạch địa giới hành chính huyện và xã theo hướng kiện toàn xã và hợp nhất huyện. Để thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, Bộ Nội vụ đã triệu tập hội nghị về điều chỉnh địa giới gồm các địa phương và cơ quan ban ngành Trung ương¹. Hội nghị tiến hành trong hai ngày 3-12 và ngày 11-12-1968, trao đổi ý kiến về phương châm, nguyên tắc, tiêu chuẩn và phương pháp tiến hành việc phân vạch địa giới hành chính huyện và xã. Tại Hội nghị Bộ Nội vụ đã trình bày báo cáo đánh giá công tác điều chỉnh địa giới từ sau hoà bình lập lại và nhiệm vụ công tác điều chỉnh địa giới trước yêu cầu mới của đất nước. Cùng với việc khẳng

1. Hồ sơ số 2691, phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

định những kết quả, đóng góp của công tác điều chỉnh địa giới hành chính đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, báo cáo của Bộ đã nghiêm túc đánh giá việc thực hiện điều chỉnh địa giới ở một số nơi còn thiếu chặt chẽ, không sát thực tế, một số nơi còn làm vội vã, tùy tiện bỏ qua các bước, các thủ tục theo quy định, nhân dân không đồng tình. Việc sáp nhập xã hoặc tách thôn, làng gắn bó lâu đời ở xã này lại điều chuyển sang xã khác, việc đi lại, sinh hoạt bất tiện... Theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương về xây dựng cấp huyện và vai trò của cấp huyện, việc xác định quy mô cấp huyện cũng được thảo luận sôi nổi trong Hội nghị. Dự thảo báo cáo của Bộ Nội vụ được các đại biểu cho nhiều ý kiến đóng góp cụ thể. Sau Hội nghị, Bộ Nội vụ đã xây dựng văn bản trình Hội đồng Chính phủ. Ngày 10-3-1969 Bộ Nội vụ có Tờ trình số 777-NV trình Hội đồng Chính phủ về điều chỉnh địa giới hành chính. Bộ đã trình phương hướng cụ thể về địa giới hành chính cấp huyện và cấp xã ở địa bàn đồng bằng và miền núi¹. Về quy mô và tiêu chuẩn mỗi cấp hành chính theo từng địa bàn, Bộ đề nghị: Quy mô nhỏ (ở đồng bằng) tỉnh có dân số 50 vạn nhân khẩu, huyện có dưới 8 vạn nhân khẩu, xã có dân số dưới 3 ngàn nhân khẩu không đủ sức phát triển kinh tế. Quy mô lớn (ở đồng bằng) những huyện có trên 18 vạn nhân khẩu, những xã có trên 6.000 nhân khẩu mới đủ điều kiện nguồn nhân lực để phát triển kinh tế địa phương.

Phương châm, nguyên tắc điều chỉnh địa giới hành chính là tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Phải chú ý khả năng quản lý nhà nước của cán bộ, bảo vệ trị an, quốc phòng và thuận tiện trong sinh hoạt của nhân dân địa phương... Kèm theo tờ trình là bản

1. Ở miền núi những huyện có diện tích trên 1.000km² và có dân số trên 3 vạn nhân khẩu ở rải rác nhiều vùng cách xa nhau nên chia nhỏ; đồng thời hợp nhất những huyện có dân số dưới 1 vạn nhân khẩu; chia những xã có diện tích trên 100 km² và dân số trên 3.000 nhân khẩu ở rải rác nhiều chòm xóm cách xa nhau để thuận tiện việc chỉ đạo sản xuất, bảo vệ trị an, quốc phòng và tiện việc sinh hoạt của nhân dân địa phương.

phụ lục về quy mô và tiêu chuẩn về cấp xã; cấp huyện; cấp tỉnh về diện tích, dân số, lao động. Trước thời điểm hội nghị về điều chỉnh địa giới có 9 địa phương xin hợp nhất 55 huyện thành 38 huyện, hợp nhất 172 xã đồng bằng thành 88 xã và chia 13 xã miền núi thành 28 xã. Chấp thuận Tờ trình của Bộ Nội vụ, Hội đồng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Nội vụ xem xét từng trường hợp cụ thể để Hội đồng chính phủ phê duyệt. Nhiều địa phương thực hiện hợp nhất huyện và xã trong thời gian này. Tiêu biểu là tỉnh Thái Bình năm 1969 sáp nhập 12 huyện thành 7 huyện bao gồm: huyện Hưng Nhân với Duyên Hà thành huyện Hưng Hà; huyện Tiên Hưng với huyện Đông Quan thành huyện Đông Hưng; huyện Quỳnh Côi với huyện Phụ Dữ thành huyện Quỳnh Phụ; huyện Thái Ninh với huyện Thụy Anh thành huyện Thái Thụy; huyện Vũ Tiên với huyện Thư Trì thành huyện Vũ Thư. Công tác điều chỉnh địa giới hành chính là công việc rất phức tạp, đòi hỏi tính khoa học về hành chính và xã hội nhân văn mới bảo đảm đưa ra quyết định đúng đắn.

III- CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THƯƠNG BINH - XÃ HỘI

1. Chỉ đạo thực hiện chính sách thương binh, liệt sĩ đối với công nhân viên chức và nhân viên quốc phòng

Đây là bộ phận chính sách quan trọng gắn liền với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Ngày 28-9-1965 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Thông tư số 120-TTg/NC quy định việc vận dụng chế độ bảo hiểm đối với công nhân viên chức nhà nước bị tai nạn chiến tranh. Ngày 12-01-1966 Bộ Nội vụ cùng Tổng Công đoàn Việt Nam ban hành Thông tư liên Bộ hướng dẫn thi hành chế độ đối với công nhân viên chức Nhà nước kể cả công nhân viên quốc phòng bị tai nạn chiến tranh. Thông tư quy định các tình huống cụ thể và các chính sách tương ứng. *Một là:* Các trường hợp công nhân viên chức bị tai nạn do địch bắn phá. *Hai là:* công nhân viên chức có những hành động hy sinh

dũng cảm trong khi địch bắn phá. *Ba là:* Công nhân viên chức trong khi địch đánh phá nếu hy sinh do có những hành động anh dũng thì được xem xét công nhận là liệt sĩ. Thông tư quy định được áp dụng từ ngày 5-8-1964 khi giặc Mỹ bắt đầu tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Một vấn đề quan trọng, rất nhạy cảm và khá phức tạp trong hoàn cảnh chiến tranh là xác nhận quân nhân bị thương, quản lý thương bệnh binh. Đây là cơ sở để thực hiện chính sách của Nhà nước với những người có công. Kinh nghiệm giải quyết những tổn động chế độ thương binh, liệt sĩ trong kháng chiến chống thực dân Pháp là do hoàn cảnh chiến đấu ác liệt và do thiếu quy định cụ thể. Thực hiện Quy định của Hội đồng Chính phủ, ngày 10-11-1967 liên Bộ Nội Vụ, Quốc phòng, Công an đã ban hành Thông tư về việc xác nhận quân nhân bị thương, hy sinh và tiếp nhận thương, bệnh binh khi ra ngoài quân đội và công an. Về xác nhận thương binh, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chịu trách nhiệm chỉ đạo việc xác nhận thương binh và cấp sổ thương binh cho quân nhân bị thương còn ở quân đội, trong công an nhân dân... Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm chỉ đạo việc xác nhận thương binh đã ra ngoài quân đội, công an nhân dân vũ trang..., cấp sổ cho công nhân viên quốc phòng, dân quân tự vệ bị thương. Để việc thực hiện được kịp thời, Bộ Nội vụ uỷ quyền cho Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ký và quyết định trợ cấp thương tật cho thương binh, công nhân, nhân viên quốc phòng, quân nhân dự bị, dân quân tự vệ bị thương. Về xác nhận liệt sĩ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chịu trách nhiệm việc xác nhận liệt sĩ. Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm chỉ đạo việc cấp sổ trợ cấp tiền tuất và việc thi hành chính sách đối với gia đình liệt sĩ. Về tiếp nhận, quản lý những thương binh, bệnh binh khi ra ngoài quân đội, công an nhân dân vũ trang. Thông tư quy định rõ chính sách từng đối tượng: thương binh, bệnh binh còn khả năng lao động, thương binh thương tật nặng hạng 6, 7, 8 và thương binh, bệnh binh xuất ngũ về địa phương hoặc chuyển ngành...Tiếp đó, ngày 15-1-1968 Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 02-NV hướng dẫn thi hành Nghị định

của Hội đồng Chính phủ về chế độ đãi ngộ đối với quân nhân, cán bộ, viên chức và nhân dân bị thương, hy sinh hoặc mất sức lao động trong khi làm nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước. Đối tượng được hưởng chính sách này là quân nhân hoạt động ở những chiến trường khó khăn, gian khổ; công nhân viên chức có đủ điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm xã hội; là cán bộ tham gia dân quân tự vệ khi bị thương trong chiến đấu; là dân công và nhân dân tham gia phục vụ chiến đấu.

Để tăng cường quản lý công tác thương binh và bệnh binh ngày 8-6-1968 Hội đồng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 83-CP Về việc sửa đổi bộ máy của Bộ Nội vụ, tăng cường các tổ chức quản lý công tác thương binh. Theo Quyết định này Vụ thương binh trực thuộc Bộ Nội vụ được tách thành 3 đơn vị gồm: Vụ chính sách thương binh, Cục quản lý thương binh và Cục quản lý sản xuất. Vụ chính sách thương binh có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng nghiên cứu các chính sách, các chế độ đối với thương binh, bệnh binh, quân nhân phục viên, gia đình liệt sĩ, gia đình quân nhân và được hưởng như thương binh... Cục quản lý thương binh có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng tổ chức và quản lý các trại tiếp nhận, nuôi dưỡng, phục hồi sức lao động, bồi dưỡng văn hoá, nghề nghiệp và sắp xếp việc làm cho thương binh, hướng dẫn các Ban thương binh - xã hội tỉnh, thành phố thực hiện chế độ chính sách đối với thương binh, bệnh binh của địa phương; quản lý các trại an dưỡng, điều dưỡng các thương binh nặng không còn sức lao động. Cục quản lý sản xuất có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng tổ chức và quản lý các xí nghiệp phục vụ cho thương binh, bệnh binh, các cơ sở sản xuất của thương binh, bệnh binh...¹. Đây là bước chuyển, thay đổi lớn về chức năng, nhiệm vụ của Bộ sau khi Bộ chuyển giao công tác hộ tịch cho Bộ Công an vào đầu năm 1968. Nhiệm vụ quản lý công tác thương binh, liệt sĩ có xu hướng tăng dần, giữ vị trí ngày càng trọng yếu trong nhiệm vụ công tác của Bộ.

1. Phụ lục Công báo số 6, năm 1968.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ngày càng ác liệt, sự hy sinh trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu cũng có nhiều tình tiết, hoàn cảnh phức tạp. Ngày 24-9-1968 Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 22/NV hướng dẫn việc vận dụng tiêu chuẩn liệt sĩ trong tình hình mới. Thông tư đã quy định các trường hợp được xem xét là liệt sĩ: *Một là*: chết vì chiến đấu hoặc đấu tranh với địch; *hai là*: chết vì dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân đang gặp con nguy hiểm; *ba là*: chết vì dũng cảm vượt khó khăn, nguy hiểm, kiên quyết làm tròn nhiệm vụ¹. Thông tư hướng dẫn cách vận dụng, xem xét hoàn cảnh cụ thể và phải thực hiện kịp thời.

Một vấn đề có ý nghĩa tâm linh và đạo lý truyền thống của dân tộc là bảo quản phần mộ liệt sĩ đã được Bộ Nội vụ hướng dẫn tổ chức thực hiện tại Thông tư số 27/NV ngày 29-10-1969 do Thứ trưởng Lê Đình Thiệp ký ban hành. Thông tư đã chỉ ra biện pháp giải quyết cụ thể: Liệt sĩ mới hy sinh tại địa phương nào thì địa phương đó có trách nhiệm gìn giữ mộ và đưa vào nghĩa trang liệt sĩ, không di chuyển về quê quán. Ủy ban hành chính các cấp có trách nhiệm phát hiện, nắm danh sách, sơ đồ mộ chí các liệt sĩ (kể cả người bị tai nạn chiến tranh đang được xét để công nhận liệt sĩ) và giữ gìn chu đáo không để lưu lạc, mất mát. Đồng thời chuẩn bị kế hoạch cất bốc, quy tập và xây dựng nghĩa trang liệt sĩ ở những nơi có điều kiện. Thông tư quy định trách nhiệm của các ngành, các địa phương trong việc cung cấp danh sách, sơ đồ mộ chí, tổ chức giữ gìn phần mộ, chôn cất bốc mộ về quê quán. Bộ còn chỉ đạo việc cất bốc, quy tập và xây dựng nghĩa trang, hướng dẫn xây dựng bia tưởng niệm, quy định chế độ thăm viếng đối với gia đình thân nhân liệt sĩ. Các địa phương Quảng Bình, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Nghệ An thực hiện tốt công tác này. Sự chỉ đạo này của Bộ Nội vụ góp phần quan trọng vào việc giữ gìn phần mộ của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân anh dũng hy sinh.

1. Công báo số 13, ngày 15-10-1966.

Chăm sóc con liệt sĩ và bố mẹ liệt sĩ là chính sách rất quan trọng, thể hiện trách nhiệm của Đảng, Nhà nước đối với những người đã hy sinh vì Tổ quốc. Do chế độ chính sách trước đây có phần chưa phù hợp, cuối năm 1969 Hội đồng Chính phủ đã ban hành quyết định về vấn đề này. Ngày 14-5-1970 Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 03 - NV hướng dẫn thi hành bổ sung chế độ trợ cấp đối với con liệt sĩ và bố mẹ liệt sĩ. Thông tư xác định các đối tượng chính sách: con mồ côi cả cha lẫn mẹ và không nơi nương tựa; bố, mẹ liệt sĩ và chế độ trợ cấp đối với từng đối tượng cụ thể. Mức trợ cấp phải bảo đảm bằng mức sống trung bình của nhân dân địa phương. Giao cho Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xét, quyết định. Chính sách mới này được hướng dẫn kịp thời đã đáp ứng yêu cầu bức thiết khi tình hình kinh tế, đời sống có nhiều khó khăn do thiên tai và tập trung mọi mặt cho chiến đấu.

Ngay sau khi đế quốc Mỹ buộc phải ngừng ném bom miền Bắc, nhiệm vụ rà phá bom mìn, khôi phục sản xuất đòi hỏi rất lớn. Chính sách cho việc thực hiện nhiệm vụ này đã được Thủ tướng Chính phủ xác định tại Chỉ thị số 37/TTg ngày 12-3-1970 về việc phát hiện, đào phá bom đạn địch chưa nổ. Ngày 3-8-1970 Bộ Nội vụ ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện chính sách này. Về cấp có thẩm quyền giao cho cán bộ, công nhân viên chức phát hiện, đào phá bom đạn địch chưa nổ là thủ trưởng cấp Cục, Vụ, Viện ở Trung ương hoặc Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện, thị xã. Dân quân tự vệ, thanh niên xung phong, cán bộ xã, nhân dân được cấp có thẩm quyền giao công tác phát hiện, đào phá bom đạn địch chưa nổ mà bị thương hoặc chết do bom đạn nổ gây nên thì giải quyết theo các chế độ trực tiếp tham gia chiến đấu. Chủ trương, chính sách rất kịp thời phục vụ công tác rà phá bom đạn địch khôi phục sản xuất. Các chiến dịch đào phá bom nổ chậm ở khu vực Ga Đông Anh, Văn Điển (Hà Nội), khu gang thép Thái Nguyên, tuyến đường sắt Hà Nội - Vinh, khu cảng Hải Phòng và nhiều trọng điểm đường quốc lộ số 1 địa phận các tỉnh khu IV.

Thực hiện sự chỉ đạo của Hội đồng Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, bước vào thời kỳ cả nước có chiến tranh và suốt những năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Bộ Nội vụ đã tham mưu đề xuất và kịp thời hướng dẫn, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về thương binh, liệt sĩ góp phần to lớn trong việc củng cố hậu phương, động viên quân dân quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

2. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các chính sách xã hội

Cùng với các chế độ, chính sách trực tiếp đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, các chính sách xã hội ở miền Bắc rất lớn. Những chế độ, chính sách đối với người có công trong sự nghiệp giành độc lập và kháng chiến chưa được bổ sung hoàn chỉnh, nhiều vấn đề về xã hội cần được tiếp tục giải quyết. Đây cũng là nhiệm vụ công tác lớn của Bộ Nội vụ.

Ở các địa phương còn những cán bộ đã tham gia cách mạng lâu năm và số công nhân, viên chức làm việc ở các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước từ ngày 2-9-1945 vì sức khỏe, già yếu đã được các Bộ, các Ủy ban kháng chiến hành chính và Ủy ban hành chính các khu, tỉnh cho về hưu hoặc thôi việc, trước khi ban hành chế độ bảo hiểm nên chưa được hưởng chế độ này. Bộ Nội vụ đã báo cáo tình hình này và được Hội đồng Chính phủ giao hướng dẫn thi hành. Ngày 20-9-1966 Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 11 - NV “Quy định chế độ trợ cấp đối với công nhân, viên chức kháng chiến đã nghỉ việc từ trước ngày ban hành chính sách bảo hiểm xã hội”¹. Những cán bộ hoạt động từ trước ngày 19-8-1945 và công nhân, viên chức đã công tác ở các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước từ sau ngày 2-9-1945 vì già yếu đã được nghỉ hưu hoặc thôi việc trước ngày có chính sách bảo hiểm xã hội đã có đủ 5 năm công tác liên tục nhưng chưa đủ 15 năm thì được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng và được Ủy ban hành chính địa phương giúp đỡ gia đình vợ con về công việc làm, bảo

đảm đời sống thu nhập. Giao cho Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát chế độ cho những người hưởng trợ cấp báo cáo về Bộ. Riêng cán bộ hoạt động lâu năm, vì già yếu nghỉ việc trước ngày có chính sách bảo hiểm đã có đủ 15 năm công tác liên tục trở lên ở địa phương nào thì Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố nơi đó thống kê danh sách, xác minh lý lịch và hướng dẫn làm các giấy tờ cần thiết gửi về Bộ Nội vụ xem xét đề nghị hưởng chế độ hưu trí¹. Thông tư này đã đáp ứng nguyện vọng của một bộ phận cán bộ, công nhân đã tham gia cách mạng khi còn khó khăn. Trong điều kiện đất nước còn nghèo, chính sách quan trọng này được thực hiện, tỏ rõ đạo lý “có trước, có sau”, đất nước có trách nhiệm đối với những người có công.

Vấn đề thực hiện chế độ, chính sách đối với người nghỉ hưu vì mất sức lao động chưa đến tuổi nghỉ hưu, chế độ thôi việc... trong điều kiện chiến tranh vô cùng phức tạp. Tính từ đầu năm 1966 đến đầu năm 1970 Bộ Nội vụ đã nghiên cứu, ban hành hàng chục Thông tư và cùng các Bộ, ngành ban hành các Thông tư liên tịch để hướng dẫn thực hiện. Thông tư số 03-NV ngày 12-1-1967 hướng dẫn thi hành Thông tư số 13-NV ngày 23-6-1965 về việc giải quyết một số vấn đề đối với công nhân viên chức về hưu và thôi việc vì mất sức lao động². Thông tư này chấn chỉnh việc tái tuyển những người đã về hưu trở lại làm việc. Có tình hình khách quan là một số lượng lớn nhân lực bổ sung cho quốc phòng, nhiều nơi tự tuyển thêm số lượng không quan tâm tới chế độ chính sách và hiệu quả. Thông tư của Bộ chỉ rõ: việc lưu công nhân viên chức đến tuổi về hưu và gọi công nhân viên chức về hưu còn khỏe mạnh trở lại làm việc là xuất phát từ yêu cầu sản xuất, công tác; đối tượng là cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ nghiệp vụ, thợ chuyên môn lành nghề. Không phải người nào đến tuổi về hưu hoặc đã nghỉ hưu đều có thể lưu lại làm việc hoặc gọi trở lại làm việc. Bộ

1. Công báo số 13, ngày 31-10-1966.

1. Công báo số 13, ngày 31-01-1966.

2. Công báo số 1, ngày 31-01-1967.

quy định thể thức lưu công nhân viên chức đến tuổi về hưu và gọi công nhân viên chức đã về hưu trở lại làm việc và thực hiện theo chế độ hợp đồng. Các cơ quan đơn vị sử dụng lao động này phải báo cáo Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ Nội vụ để quản lý người về hưu được chặt chẽ. Đây là vấn đề quản lý theo chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm quyền lợi của cán bộ công nhân viên chức và ngăn chặn tình trạng lợi dụng do buông lỏng quản lý trong hoàn cảnh chiến tranh.

Về quan tâm chăm sóc đời sống cho những người về hưu và nghỉ việc vì mất sức lao động, tại Thông tư số 23-NV ngày 26-9-1968 Bộ Nội vụ đã hướng dẫn công tác quản lý đời sống của công nhân, viên chức và quân nhân về hưu, nghỉ việc vì mất sức lao động. Bộ đề ra các nội dung nhiệm vụ: thống kê danh sách, nắm tình hình đời sống, tư tưởng; kiểm tra, đôn đốc, tổ chức theo dõi việc thực hiện các chế độ, chính sách; giúp đỡ những người có đời sống khó khăn. Những người về hưu, nghỉ việc vì mất sức lao động không nơi nương tựa, Ủy ban hành chính tỉnh báo cáo cụ thể để Bộ Nội vụ nghiên cứu thu nhận vào các cơ sở an dưỡng. Thông tư của Bộ hướng dẫn công tác tổ chức, quản lý cấp khu, tỉnh, thành cần có bộ phận chuyên trách công tác này đặt trong Ban Dân chính hoặc Ban Thương binh - Xã hội. Ở các xã, phường, thị trấn lập các tổ, nhóm hưu trí, mất sức để giúp đỡ nhau...

Tiếp theo Thông tư ngày 10-7-1969 Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 17-NV hướng dẫn việc học tập chính trị, thời sự cho cán bộ, công nhân viên chức về hưu và thôi việc vì mất sức lao động. Bộ Nội vụ đã cùng với Ban tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn việc tổ chức học tập chính sách thời sự. Cán bộ hướng chính sách ưu đãi, cán bộ cấp Vụ, Cục, Viện... do Ủy ban hành chính khu, tỉnh thành tổ chức; các đối tượng cán bộ, công nhân, viên chức khác giao cho Ủy ban hành chính huyện, thị xã, khu phố; xã nào đông cán bộ, công nhân, viên chức về hưu, quân nhân nghỉ hưu vì mất sức lao động thì Ủy ban hành chính xã tổ chức học tập chung với cán bộ xã. Chủ trương này đáp ứng nhu cầu chính đáng và giải quyết vấn đề chính trị

- xã hội quan trọng góp phần phát huy vai trò của lực lượng này trong tổ chức xã hội, ổn định đời sống ở các địa phương.

Để thực hiện các chế độ hưu trí, mất sức lao động được kịp thời, Bộ Nội vụ đã phân cấp quản lý cho các địa phương. Ngày 24-5-1969 Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 14-NV “phân cấp cho các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp sổ trợ cấp chính thức cho những người được hưởng trợ cấp hưu trí, mất sức lao động, thương tật vì tai nạn lao động, tiền tuất”¹. Bộ đã hướng dẫn để Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thanh toán các loại hồ sơ trợ cấp: là công nhân viên chức, là quân nhân; những người đã có sổ trợ cấp chính thức do địa phương cấp; những trường hợp phải điều chỉnh lại các khoản trong sổ trợ cấp, địa phương tiến hành sau khi báo cáo về Bộ... Thông tư số 14-NV phân cấp cho các địa phương nhưng có tác dụng quản lý chặt chẽ hơn việc thực hiện các chế độ chính sách xã hội. Đặc biệt ngăn chặn tình trạng cấp tràn lan các loại sổ trợ cấp tạm thời.

Về chế độ đối với cán bộ, công nhân viên chức nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động trở lại làm việc khi sức khỏe đã phục hồi, trong năm 1969 Bộ Nội vụ ban hành 3 Thông tư. Đó là Thông tư liên Bộ số 20 -TT/LB ngày 2-8-1969 hướng dẫn thi hành Thông tư số 15-CP của Hội đồng Chính phủ ngày 24-1-1969 về chính sách đối với công nhân viên chức thôi việc vì mất sức lao động nay sức khỏe phục hồi; Thông tư số 22-NV ngày 18-8-1969 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thêm về điều kiện được hưởng chế độ trợ cấp thôi việc vì mất sức lao động và chế độ tiền tuất; Thông tư số 30-NV ngày 7-11-1969 của Bộ Nội vụ về thủ tục điều chỉnh bậc lương cho công nhân viên chức khi về hưu để tính trợ cấp hưu trí. Đây là vấn đề rất phức tạp vì giải quyết về quyền lợi. Các chính sách quy định vừa đáp ứng yêu cầu sử dụng lao động cho các hoạt động sản xuất, công tác giải quyết đời sống cho cán bộ công nhân viên, vừa ngăn

1. Công báo số 8, ngày 30-6-1969.

chặn tình trạng buông lỏng quản lý, lãng phí, sử dụng lao động không hiệu quả. Đồng thời lại phải chăm lo cải thiện một phần cho người về hưu sau quá trình dài lao động, cống hiến.

Thực hiện sự chỉ đạo của Hội đồng Chính phủ, tại Thông tư số 202-CP ngày 26-11-1966 về chính sách đối với những người già, trẻ mồ côi không nơi nương tựa và những người tàn tật, Bộ Nội vụ đã làm việc với Bộ Tài chính, Bộ Nội thương, Bộ Y tế, Tổng cục Lương thực, để xây dựng, ban hành Thông tư số 09-NV ngày 18-5-1967 hướng dẫn thi hành. Đây là vấn đề nhân đạo thể hiện tính ưu việt của chế độ ta. Thông tư của Bộ xác định rõ ràng 3 đối tượng để xem xét giải quyết: *Một là:* những người già cả, không có con cháu và người ruột thịt để nương tựa hoặc do hoàn cảnh khó khăn không nơi nương tựa. *Hai là:* những cháu mồ côi dưới 16 tuổi không còn người ruột thịt chăm sóc, giúp đỡ. *Ba là:* những người mù lòa câm điếc, bại liệt (bao gồm cả những người là nạn nhân chiến tranh).

Thông tư của Bộ xác định nội dung chính sách với từng đối tượng; ở từng địa bàn (nông thôn, thành phố, thị xã); với trẻ mồ côi không nơi nương tựa; với người tàn tật; các chế độ chăm sóc về: ở, ăn, mặc, ốm đau, chết... Xác định trách nhiệm của Ủy ban hành chính các cấp nhất là cấp huyện, xã và tổ chức hợp tác xã trong việc tổ chức thực hiện chính sách này.

IV- SỰ THAY ĐỔI VỀ CƠ CẤU VÀ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BỘ NỘI VỤ

Lãnh đạo và bộ máy của Bộ Nội vụ có Bộ trưởng Ung Văn Khiêm, các Thứ trưởng Tô Quang Đầu, Nguyễn Văn Ngọc, Lê Tất Đắc và Lê Đình Thiệp. Đảng đoàn Bộ do Bộ trưởng làm Bí thư và các Thứ trưởng là ủy viên Đảng đoàn.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ đã được điều chỉnh thay đổi theo nhiệm vụ và sự chỉ đạo của Hội đồng Chính phủ. Một số đơn vị mới được thành lập

trong những năm 1966-1968. Đó là vụ VIII làm nhiệm vụ quản lý chăm lo chế độ chính sách đồng bào và cán bộ, con em miền Nam từ chiến trường ra Bắc. Thực hiện Quyết định của Hội đồng Chính phủ số 83-CP ngày 8-6-1968 từ một Vụ thương binh được tách ra thành 3 tổ chức là Vụ chính sách Thương binh, Cục quản lý thương binh, Cục quản lý sản xuất. Trước đó, theo Nghị định số 32-CP ngày 29-2-1968 về chuyển đăng ký hộ tịch, Hộ khẩu về Bộ Công an, Bộ Nội vụ bàn giao công tác, tài liệu, sổ sách và biên chế cho Bộ Công an. Vì vậy, tổ chức, cán bộ làm nhiệm vụ này trong Vụ Chính quyền địa phương đã chuyển đi. Trường Hành chính Trung ương là cơ sở đào tạo thuộc Bộ. Thực hiện Quyết định số 140/CP ngày 14-8-1969 của Hội đồng Chính phủ về việc bàn giao công tác quản lý biên chế hành chính sự nghiệp sang Bộ Lao động và Công văn số 1639-NC của Thủ tướng giải thích việc chuyển giao một số công tác có liên quan sang Bộ Lao động, chức năng, nhiệm vụ và tổ chức cán bộ của Vụ Tổ chức cán bộ cũng di chuyển theo. Vì vậy, ngày 31-10-1969, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã quyết định nhập phòng Tổ chức cán bộ thuộc Bộ vào Vụ Tổ chức cán bộ. Chức năng, nhiệm vụ của Vụ Tổ chức cán bộ lúc này đã thay đổi, về căn bản Vụ Tổ chức cán bộ chỉ làm nhiệm vụ quản lý nội bộ cán bộ của các cơ quan thuộc Bộ và hướng dẫn, kiểm tra công tác tổ chức quản lý cán bộ, công nhân viên chức hệ thống tổ chức dân chính, thương binh xã hội ở các địa phương. Trong hoàn cảnh đó, lãnh đạo Bộ vẫn duy trì mọi hoạt động của Bộ bình thường. Ngày 14-5-1969 Bộ trưởng quyết định lập trường Bồ túc văn hóa của Bộ, cử ra Ban lãnh đạo và Ban giám hiệu gồm một số đồng chí lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ hưu trí, Ban Lý luận nghiệp vụ và Vụ chính quyền địa phương tham gia.

Đến tháng 2-1970, thực hiện Quyết định số 40-CP của Hội đồng Chính phủ về việc chuyển nhiệm vụ quản lý công tác tổ chức từ Bộ Nội vụ về Thủ tướng và Quyết định số 214-CP ngày 21-11-1970 về việc ủy nhiệm cho Thủ tướng phê duyệt phân vạch địa giới đơn vị hành chính xã, thị trấn,

toàn bộ cơ cấu có liên quan chuyển về Phủ Thủ tướng. Từ cuối năm 1970, tổ chức bộ máy của Bộ Nội vụ chỉ còn các đơn vị làm công tác thương binh, liệt sĩ và chính sách xã hội. Nghị quyết cuộc họp Đảng đoàn Bộ Nội vụ từ ngày 17-7-1969 đã cho thấy rõ xu thế này. Vấn đề thứ nhất là tổ chức. Đảng đoàn nhận định rằng: việc kiện toàn hệ thống tổ chức của ngành là một việc thiết thân đối với toàn bộ hoạt động của Bộ. Thủ tướng Chính phủ trong hội nghị của Bộ với các địa phương đã nhấn mạnh đến việc tăng cường hệ thống tổ chức thương binh-xã hội từ tỉnh đến xã vì khối lượng công tác này rất lớn... Thi hành chỉ thị của Thủ tướng, Vụ Tổ chức cán bộ phải hết sức chú ý đến việc kiện toàn tổ chức ngành, *chủ yếu là ngành Thương binh và xã hội...*¹. Trước đó, tại Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và Hội nghị cán bộ cơ quan Bộ vấn đề thời sự bàn bạc nhiều về tổ chức. Bộ Nội vụ thành lập sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trải qua nhiều thời kỳ nay tổ chức hoạt động thế nào? Bộ đã quyết định thành lập một Ban nghiên cứu về tổ chức, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy, xây dựng thành báo cáo trình Ban Bí thư đề nghị xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Bộ. Tuy nhiên, các công việc nghiên cứu này chưa hoàn thành, chỉ hơn một tháng sau Hội đồng Chính phủ lần lượt ra các quyết định chuyển chức năng nhiệm vụ mang tính truyền thống của Bộ Nội vụ về Bộ Lao động và Phủ Thủ tướng, hoạt động của Bộ Nội vụ chuyển hướng sang công tác thương binh xã hội.

Ngày 28-7-1969 tại Quyết định số 132-CP Hội đồng Chính phủ đã bổ nhiệm chức vụ cán bộ phụ trách Cục, Vụ, Trường, Văn phòng thuộc Bộ Nội vụ gồm: Cục trưởng Cục quản lý thương binh, Vụ trưởng Vụ An toàn xã hội, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Huu trí, Vụ phó Vụ Chính sách thương binh, Hiệu phó trường Hành chính Trung ương, hai đồng chí Phó Văn phòng Bộ. Có thể nói tại Quyết định số 132-CP, Hội đồng Chính phủ đã kiện

toàn tổ chức của Bộ Nội vụ để tập trung vào nhiệm vụ công tác thương binh xã hội.

BỘ NỘI VỤ TẬP TRUNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ CÔNG TÁC THƯƠNG BINH - XÃ HỘI NHỮNG NĂM 1971-1973

Nhiệm kỳ Chính phủ khóa IV (1971-1975) đồng chí Dương Quốc Chính được bầu làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ thay đồng chí Ung Văn Khiêm. Trong hoạt động, các công tác về tổ chức bộ máy hành chính, tổ chức biên chế công nhân, viên chức hành chính sự nghiệp, bầu cử... đã chuyển giao toàn bộ về các cơ quan khác. Lúc này Bộ Nội vụ tập trung thực hiện quản lý công tác thương binh, xã hội.

I- THỰC HIỆN CÔNG TÁC THƯƠNG BINH, LIỆT SĨ

Từ giữa năm 1968 số lượng liệt sĩ, thân nhân gia đình liệt sĩ ngày càng tăng, yêu cầu giải quyết kịp thời, chu đáo quyền lợi của các gia đình liệt sĩ là nhiệm vụ chính trị quan trọng. Cuối năm 1968 Bộ Nội vụ đã tiến hành phân cấp cho Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phụ trách việc cấp sổ thương binh, cấp sổ tiền tuất cho các gia đình liệt sĩ, Bộ Nội vụ giúp xét duyệt hồ sơ và quản lý sổ trợ cấp. Khi cán bộ ở các địa phương đã có bước trưởng thành, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 8-NV ngày 18-6-1971 phân cấp cho các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phụ trách toàn bộ việc giải quyết trợ cấp tiền tuất đối với gia đình liệt sĩ mới. Quyết định này nhằm tạo điều kiện để các tỉnh, thành phố giải quyết công việc được nhanh hơn. Thông tư của Bộ nhắc nhở các địa phương phải đề cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện đúng chính sách, cảnh báo về khó khăn phức tạp phải sửa chữa, khắc phục và nêu một số hướng

1. Hồ sơ số 530, phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

dẫn cụ thể. *Một là:* các sổ trợ cấp tiền tuất chính thức do tỉnh, thành phố cấp sẽ mang ký hiệu do Bộ quy định cho từng địa phương. *Hai là:* chậm nhất 15 ngày sau khi ký Quyết định trợ cấp, các tỉnh, thành phố phải gửi về Bộ bản chính hồ sơ kèm theo phiếu lập sổ và trợ cấp tiền tuất để Bộ trình Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng Tổ quốc ghi công cho gia đình liệt sĩ. *Ba là:* Bộ hướng dẫn cách giải quyết khi vận dụng tiêu chuẩn xác nhận liệt sĩ, thân nhân liệt sĩ mất sức lao động, thân nhân liệt sĩ cư trú nhiều nơi. Để thực hiện kịp thời, chính xác các chế độ, chính sách, hoàn thành tốt nhiệm vụ quan trọng này, Thông tư của Bộ chỉ rõ: "Các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố cần quan tâm chỉ đạo, kiện toàn gấp tổ chức, bổ sung những cán bộ tốt để chuyên trách công tác này ở các Ban Thương binh xã hội. Để giúp các địa phương, Bộ đã lập các tổ công tác đến nhiều tỉnh, thành phố - nhất là những tỉnh có khó khăn và nhiều trường hợp phức tạp để kiểm tra hướng dẫn trực tiếp. Thực hiện tốt chủ trương này đã hỗ trợ tích cực đưa thương binh về các gia đình chăm sóc và những người còn đủ sức khỏe chuyển về cơ quan, địa phương tham gia công tác, giảm tải cho các trạm thương binh, các đoàn an dưỡng. Hơn một tháng sau, Bộ Nội vụ đã có Công văn 2083-NV ngày 28-7-1971 hướng dẫn mẫu sổ sách theo dõi thương binh, lập hồ sơ từng thương binh, bảo đảm cho công tác quản lý được chặt chẽ, ngăn chặn tình trạng nhầm lẫn, sai sót, tuý tiện khai man thương binh. Thực hiện nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu ngày càng lớn của thương binh, Cục quản lý sản xuất của Bộ đã tổng hợp đăng ký của các Ban thương binh - xã hội tỉnh, thành phố, lập kế hoạch sản xuất các dụng cụ, thiết bị phục vụ đi lại, sinh hoạt của thương binh. Trong 2 năm 1970 và 1971 các xí nghiệp chân tay giả đã đón tiếp hàng nghìn thương binh nặng, chăm sóc những ngày họ đến lắp đặt dụng cụ và tập sử dụng. Đồng thời sản xuất và cấp phát nhiều dụng cụ thiết bị khác cho thương binh nặng, chân tay giả, đống giày.

Đối với công tác thương binh, liệt sĩ, việc thống nhất quản lý sổ sách và

quản lý số lượng, chế độ chính sách, tổ chức cấp phát kịp thời đúng đối tượng, đúng chính sách là nội dung lớn. Đối với các thương binh trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp phân định theo 8 hạng. Để tiến tới thống nhất chế độ thương tật với thương binh hai thời kỳ, Bộ Nội vụ đã chủ động tổ chức thu đổi sổ trợ cấp thương tật của thương binh chống Pháp và phối hợp với Bộ Tài chính quy định việc quản lý cấp phát trợ cấp thương tật của đối tượng thương binh. Thông tư số 10-NV ngày 25-4-1972 của Bộ Nội vụ đã hướng dẫn việc đổi sổ trợ cấp của thương binh chống Pháp. Giao cho Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, thương binh còn tại ngũ có hướng dẫn riêng. Thực hiện sổ thương tật mới có dán ảnh, đóng dấu mới có giá trị sử dụng¹. Tiếp đó, ngày 5-12-1972 Bộ Nội vụ cùng Bộ Tài chính ban hành Thông tư Liên bộ số 19-TT/CB quy định việc quản lý và cấp phát trợ cấp thương tật cũ (thương binh thời kỳ kháng chiến chống Pháp). Tại Thông tư này, Liên bộ thống nhất kể từ ngày 1-1-1973 trợ cấp thương tật cũ (8 hạng) do Bộ Nội vụ thống nhất quản lý cấp phát tới các đối tượng hưởng chính sách này. Thay vì trước đây các Ty, Sở Tài chính các địa phương tổ chức chi trả, từ 1-1-1973 chuyển giao sang Ty, Sở Thương binh Xã hội. Thông tư quy định việc bàn giao phải hoàn thành trước ngày 31-12-1972. Các Sở, Ty Thương binh Xã hội có trách nhiệm tổng hợp, lập danh sách và sổ trợ cấp do Sở, Ty Tài chính, các cơ quan bàn giao, đối chiếu, lập báo cáo về Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính trước ngày 31-1-1973¹. Thực hiện Thông tư này, công tác quản lý thương binh được tập trung về một mối, giúp cho việc cấp phát và chi trả các chế độ, chính sách được kịp thời. Đối với công tác thương binh, liệt sĩ thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, Bộ đã tổ chức triển khai nhiều hoạt động cả bề rộng lẫn chiều sâu. Bộ đã làm việc với Bộ Y tế tăng cường công tác giám định thương tật, củng cố Hội đồng giám định Trung ương. Để

1. Công báo số 21, ngày 30-12-1972.

1. Công báo số 20, ngày 15-12-1972.

chăm sóc con liệt sĩ được tốt hơn Bộ Nội vụ đã thành lập Ban bảo trợ con liệt sĩ, huy động các cơ quan, tổ chức xã hội tham gia. Đặc biệt, lãnh đạo Bộ đã quan tâm chỉ đạo việc xây dựng đội ngũ cán bộ làm quản lý công tác thương binh, liệt sĩ ở các địa phương. Chỉ đạo Trường hành chính, mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ lãnh đạo quản lý cho các Trưởng, Phó ban tổ chức thương binh xã hội của các tỉnh, thành phố, củng cố tổ chức hoạt động của các Ban này. Lãnh đạo Bộ và các đơn vị chức năng như Vụ chính sách thương binh, Cục quản lý thương binh đã đi kiểm tra các trại thương binh, củng cố tổ chức cán bộ của các trại. Tăng cường cung cấp các trang thiết bị văn hoá phục vụ đời sống tinh thần cho thương binh. Lãnh đạo Bộ đặc biệt quan tâm tới việc tổ chức sản xuất, cải thiện đời sống của thương binh. Vụ chính sách thương binh và Cục quản lý đã quan hệ với Bộ đại học và Trung học chuyên nghiệp đưa thương binh đi học tập, đào tạo nghề. Các cơ quan chức năng của Bộ còn quan hệ với các ngành, các địa phương bố trí, sắp xếp việc làm, chuyển ngành cho thương binh... Đối với Cục quản lý sản xuất, cùng với việc giúp đỡ, chỉ đạo các xí nghiệp làm chân tay giả còn giúp đỡ chỉ đạo các xí nghiệp, 27/7 xác định phương hướng sản xuất...

Với sự nỗ lực đó, công tác thương binh, liệt sĩ những năm 1971-1973 có nhiều chuyển biến tốt. Các tỉnh, thành phố dần dần đảm nhận, thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, bảo đảm kịp thời trong chi trả các chế độ, chính sách. Hệ thống các trại thương binh được củng cố, công tác chăm sóc thương binh được cải thiện cả về vật chất và tinh thần. Việc giải quyết chế độ chính sách thương binh về học tập, đào tạo, việc làm, và đưa thương binh về gia đình... là các giải pháp cụ thể, phù hợp với hoàn cảnh thực tế, đẩy mạnh việc thực hiện chính sách thương binh, liệt sĩ của Đảng, Nhà nước ngày càng tốt hơn.

II- HƯỚNG DẪN, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN CHỨC VÀ ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

Chăm lo chế độ chính sách đối với cán bộ, công nhân viên chức đã nghỉ hưu, nghỉ việc vì mất sức lao động và chăm lo giải quyết chính sách đối với nhân dân bị thiên tai cũng là nhiệm vụ của Bộ Nội vụ thời kỳ này.

Vào đầu những năm 1970, cán bộ, công nhân viên chức đã về hưu, nghỉ việc vì mất sức lao động trở về nông thôn sinh sống, số lượng ngày càng đông. Thực hiện chế độ chính sách như thế nào để sử dụng, phát huy trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm và sức khoẻ của lực lượng này. Nhiều người còn sức khỏe đã tích cực tham gia trực tiếp sản xuất hoặc làm gián tiếp trong các hợp tác xã như kế hoạch, kế toán có đóng góp tốt. Song cũng có nhiều người ra làm ăn riêng lẻ, có người thuê mướn nhân công tự ý phát nương làm rẫy, không nộp thuế, không làm nghĩa vụ với Nhà nước, ảnh hưởng không tốt đối với nhân dân và quan hệ sản xuất ở nông thôn. Bộ Nội vụ cùng Ban quản lý hợp tác xã nông nghiệp Trung ương ban hành Thông tư liên Bộ số 8a TT/CB ngày 22-6-1971 để hướng dẫn, chỉ đạo vấn đề này¹. Thông tư Liên Bộ chủ trương: cán bộ hưu trí, mất sức, nghỉ việc về ở nông thôn cần sinh hoạt, học tập với nhân dân nơi cư trú và tùy tình hình sức khỏe và khả năng của mỗi người mà tham gia các mặt công tác thích hợp ở địa phương. Thông tư hướng dẫn cách giải quyết: với người còn khả năng lao động nên vào hợp tác xã; các hợp tác xã nông nghiệp nên kết nạp hoặc tạo điều kiện cho những người còn sức lao động, có khả năng vào làm việc ở hợp tác xã và được hưởng chế độ phân phối của hợp tác xã; nghiên cứu giải quyết đất làm kinh tế và cấp đất làm nhà ở cho những người thực sự chưa có nhà ở... Chủ

1. Công báo số 13, ngày 15-8-1971.

trương này đã đáp ứng yêu cầu sử dụng một nguồn lực xã hội, giúp các hợp tác xã có được một số cán bộ quản lý, chuyên môn, kỹ thuật. Đồng thời ngăn chặn tình trạng tự phát sản xuất riêng lẻ, tạo ra sự bất ổn ở nông thôn trong điều kiện tập trung cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện cứu tế xã hội cũng là trọng trách của Bộ Nội vụ. Sau trận lũ lụt năm 1969, trận lũ năm 1971 xảy ra trầm trọng ở nhiều nơi. Vỡ đê ở Lâm Thao (Vĩnh Phú); Cống Thôn - Gia Lâm (Hà Nội), Nhật Trai- Gia Lương (Hà Bắc), vùng phân lũ Hà Tây, vùng ven các sông lớn... Nhiều nơi lũ lụt đã gây ra thiệt hại lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống ở nhiều vùng dân cư. Thực hiện Nghị quyết số 69-CP ngày 7-9-1971 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thường vụ Hội đồng Chính phủ, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện các chính sách đối với đồng bào vùng lũ lụt. Vụ An toàn xã hội của Bộ Nội vụ đã nắm tình hình của các địa phương để xây dựng các nội dung hướng dẫn cụ thể. Tiến hành cứu tế về: lương thực, nhà ở, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh, quần áo, chăn màn, dụng cụ thiết yếu... Phương châm tổ chức thực hiện là: kịp thời, công bằng, hợp lý, vệ sinh và đến tận tay nhân dân, Bộ xác định trách nhiệm của các cấp rõ ràng như:

Ở các tỉnh, thành phố và ở các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, các Ban đời sống do đồng chí Thường vụ cấp uỷ, Phó chủ tịch Uỷ ban hành chính phụ trách, các ngành thương binh xã hội, quân đội, thương nghiệp, lương thực, thực phẩm, y tế, tài chính, đại diện các Đoàn thể tham gia, Ban Thương binh Xã hội là thường trực của Ban đời sống. Ở xã, Ban đời sống do đồng chí Thường vụ Đảng uỷ, Phó Chủ tịch Uỷ ban hành chính xã phụ trách với sự tham gia của các ngành và các tổ chức quần chúng. Nhờ có chủ trương kịp thời của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thường vụ Hội đồng Chính phủ, sự chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể của Bộ Nội vụ nên việc cứu tế được triển khai khẩn trương, có hiệu quả. Trận lũ lụt lớn, phạm vi rộng, tính chất nặng nề so với những trận lũ lụt trong lịch sử, nhưng về cơ bản đời sống nhân dân không bị

xáo trộn, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và của, không để trường hợp nào bị chết đói. Lũ lụt lớn nhưng không xảy ra bệnh dịch, bảo đảm chính trị - xã hội ổn định, nhân dân vững tin vào Đảng, khẩn trương khắc phục hậu quả, phục hồi sản xuất và tổ chức đời sống... Đây là thắng lợi to lớn, thể hiện rõ tính ưu việt của chế độ ta. Đặc biệt, sau trận ném bom B.52 tháng 12-1972, việc tổ chức cứu trợ đồng bào Thủ đô Hà Nội bị thiệt hại, đồng viên phong trào cả miền Bắc giúp Thủ đô Hà Nội khắc phục hậu quả chiến tranh đã thu được kết quả to lớn. Việc cung cấp lương thực, nhu yếu phẩm và các đồ dùng thiết yếu bảo đảm kịp thời. Hàng ngàn căn nhà tre chuyển từ các tỉnh về Hà Nội giúp các gia đình mất nhà cửa ổn định nơi ăn ở đón Xuân thắng lợi năm 1973.

Trong thời gian này, vấn đề trẻ em mồ côi, người tàn tật cũng có diễn biến phức tạp. Do điều kiện kinh tế - xã hội có khó khăn, nhiều trường hợp trẻ em mất cha, hoặc mất mẹ đều muốn đưa con vào trại nuôi dưỡng của Bộ nhưng các trại đã quá tải. Bộ chỉ đạo Vụ An toàn xã hội điều tra, nắm tình hình để giải quyết dứt điểm. Bộ chỉ tiếp nhận nuôi các cháu không cha mẹ, bị tàn tật đúng quy định. Các cháu có cha, mẹ, có người nuôi dưỡng, gặp khó khăn thì chỉ được xem xét trợ cấp. Tình trạng các trẻ em hư ở các thành phố, thị xã, nhất là Hà Nội, Hải Phòng đã được Bộ quan tâm bàn bạc với Bộ Công an và Uỷ ban hành chính các thành phố tìm biện pháp giải quyết. Bộ Công an, trực tiếp là công an Hà Nội, Hải Phòng và chính quyền địa phương thực hiện quản lý, giáo dục góp phần giảm bớt tình trạng tệ nạn trộm cắp, mất trật tự ở các đô thị lớn.

Bộ Nội vụ có trách nhiệm về chính sách bảo hiểm xã hội đối với cán bộ, công nhân viên chức. Việc tính thời gian công tác để thực hiện chính sách có ý nghĩa rất quan trọng. Bộ Nội vụ và Bộ Lao động đã ban hành Thông tư hướng dẫn về tính thời gian công tác từ năm 1962, sau đó nhiều lần sửa đổi, bổ sung các hướng dẫn. Song do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, các nội dung hướng dẫn đó chưa đầy đủ. Sau thời gian dài nghiên cứu, ngày 4-9-

1972 Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 13-NV hướng dẫn và quy định thời gian công tác của công nhân viên chức Nhà nước¹. Thông tư đã đề ra quy định chung. Thời gian công tác nói chung là: “tất cả thời gian mà công nhân viên chức thoát ly kinh tế gia đình, làm việc lấy lương hay sinh hoạt phí làm nguồn sống ở các cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường, ở các tổ chức Đảng hay Đoàn thể cách mạng, trong quân đội cách mạng theo chế độ tình nguyện hoặc theo chế độ nghĩa vụ”². Thời gian công tác liên tục là: “thời gian người cán bộ, công nhân viên chức làm việc liên tục không đứt quãng ở một ngành, một cơ quan, xí nghiệp dưới chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; làm việc dưới chế độ cũ thì không được tính là thời gian công tác liên tục. Thời gian người cán bộ thực sự hoạt động cách mạng trước ngày 19-8-1945 được tính là thời gian công tác liên tục”³.

Thông tư của Bộ quy định cụ thể cách tính thời gian công tác của cán bộ, công nhân viên chức ở 20 trường hợp, bao gồm: thời gian công tác của công nhân viên chức hoạt động cách mạng trước ngày 19-8-1945 hay hoạt động ở vùng địch hậu trong thời kỳ kháng chiến; thời gian tham gia kháng chiến chống Pháp; thời gian làm việc dưới chế độ cũ được tính là thời gian công tác nói chung trừ những người có hành động chống phá cách mạng, đàn áp nhân dân; thời gian làm việc theo chế độ tạm tuyển, hợp đồng; thời gian thử việc; thời gian đi học; thời gian làm nghĩa vụ quân sự, dân công; thời gian làm việc ở các xí nghiệp công tư hợp doanh, thời gian công tác của công nhân viên chức trước kia là kiều bào ở nước ngoài, là ngoại kiều... Thông tư còn quy định cách tính thời gian công tác về những tháng lẻ. Thông tư này thay thế 7 văn bản hướng dẫn gồm thông tư và công văn về nội dung này từ năm 1962 đến năm 1970. Đây là văn bản hướng dẫn, quy định cụ thể chi tiết nhất về cách tính thời gian công tác của cán bộ, công nhân viên chức phục vụ cho việc giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội của cán bộ, công nhân viên chức nhà nước.

1, 2, 3. Công báo số 13, ngày 1-10-1972.

Những năm 1965-1973 là thời gian cả nước có chiến tranh, cả nước nêu quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Bộ Nội vụ đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo hướng dẫn xây dựng, củng cố chính quyền địa phương, trọng tâm là củng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực chính quyền cơ sở; tham gia xây dựng, củng cố chính quyền Trung ương; xây dựng quản lý đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức hành chính, sự nghiệp. Bộ đã tập trung xây dựng các chế độ chính sách và chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác thương binh xã hội, chăm lo chế độ đãi ngộ đối với những người trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu ở miền Bắc, người đi chiến trường và thân nhân của họ; Bộ còn quản lý và giải quyết các chính sách xã hội, chăm lo trẻ mồ côi, người cô đơn, tàn tật. Hoạt động của Bộ thực sự là trọng trách của cơ quan nội trị đất nước. Cùng với các ngành, các cấp, Bộ Nội vụ góp phần xây dựng và củng cố hệ thống hành chính Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, giữ vai trò to lớn, góp phần xứng đáng đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa, hậu phương lớn miền Bắc, hết lòng, hết sức chi viện tiền tuyến lớn miền Nam. Trong điều kiện và hoàn cảnh đó, các hoạt động xây dựng chính quyền địa phương, củng cố chính quyền cơ sở và công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đã có những kinh nghiệm quý báu. Hệ thống các chính sách và việc quản lý công tác thương binh xã hội phục vụ tốt công tác hậu phương quân đội; giữ vững an ninh, an toàn xã hội trong điều kiện chiến tranh, là thành công và đóng góp to lớn của ngành Nội vụ.

Sự thay đổi chức năng, nhiệm vụ, thay đổi tổ chức bộ máy của Bộ Nội vụ từ năm 1969 đến năm 1970 do những yếu tố khách quan và chủ quan đã làm phân tán khả năng và sức mạnh của cơ quan làm công tác Nội vụ, làm giảm nguồn lực của nền hành chính nhà nước trong tổ chức quản lý các hoạt động của xã hội. Sự chuyển dần chức năng, nhiệm vụ quản lý hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước sang hoạt động quản lý các chính sách thương binh xã hội tạo ra khoảng trống về chức năng quản lý chuyên ngành của Bộ Nội vụ làm cho hoạt động của bộ máy hành chính trở nên không bình thường. Khách

LỊCH SỬ BỘ NỘI VỤ

quan đòi hỏi điều chỉnh tổ chức bộ máy làm công tác quản lý hành chính nhà nước được tái lập, hoạt động. Đó cũng là một kinh nghiệm về xây dựng, tổ chức hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, nhìn từ bản thân cơ quan chức năng của bộ máy hành chính như Bộ Nội vụ.